

VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC
ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2511/QĐ-UBND

Hà Nội, ngày 11 tháng 5 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt các quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực đường thủy nội địa, lĩnh vực đăng kiểm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Giao thông vận tải thành phố Hà Nội

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải Hà Nội tại Tờ trình số 396/TTr- SGTVT ngày 22/4/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này 18 quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực đường thủy nội địa, lĩnh vực đăng kiểm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Giao thông vận tải Hà Nội. Trong đó: 06 quy trình giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải; 01 quy trình giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết chung của Sở Giao thông vận tải và UBND cấp huyện; 11 quy trình giải quyết

thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Bãi bỏ 16 quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Đường thủy nội địa thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải.

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo)

Điều 2. Giao Sở Giao thông vận tải Hà Nội chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan, căn cứ Quyết định này xây dựng quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Thành phố theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Các quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính sau đây hết hiệu lực: Quy trình nội bộ từ số 11 (QT.11-06.2021) đến số 17 (QT.17-06.2021) tại Quyết định số 3158/QĐ-UBND ngày 07/7/2021 của Chủ tịch UBND Thành phố; số 7 (QT07-02.2023), số 15 (QT15-02.2023) và số 16 (QT16-02.2023) tại Quyết định số 859/QĐ-UBND 10/02/2023 của Chủ tịch UBND Thành phố;

Quyết định số 1379/QĐ-UBND ngày 7/3/2023 của Chủ tịch UBND Thành phố hết hiệu lực.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND Thành phố, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các Ban, ngành thuộc thành phố; Chủ tịch UBND các quận, huyện, thị xã; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Hồng Sơn

Phụ lục 1**DANH MỤC CÁC QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA VÀ LĨNH VỰC ĐĂNG KIỂM THUỘC CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

(Kèm theo Quyết định số 2511/QĐ-UBND ngày 11/5/2024 của Chủ tịch UBND Thành phố)

A. CÁC QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI THÀNH PHỐ HÀ NỘI (06 quy trình)

STT	Tên quy trình nội bộ	Ký hiệu
I. LĨNH VỰC ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA		
1	Công bố hoạt động cảng thủy nội địa	QT-01
2	Công bố lại hoạt động cảng thủy nội địa	QT-02
3	Cấp, cấp lại, chuyển đổi Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, Chứng chỉ chuyên môn	QT-03
4	Chấp thuận hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước tại vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải	QT-04
II. LĨNH VỰC ĐĂNG KIỂM		
5	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới	QT-05
6	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới	QT-06

B. CÁC QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI VÀ UBND CẤP HUYỆN TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

(01 quy trình)

STT	Tên quy trình nội bộ	Ký hiệu
LĨNH VỰC ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA		
1	Gia hạn hoạt động cảng, bến thủy nội địa	QT-07

C. CÁC QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP HUYỆN TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI (11 quy trình)

STT	Tên quy trình nội bộ	Ký hiệu
LĨNH VỰC ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA		
1	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến thủy nội địa	QT-08
2	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính	QT-09
3	Công bố hoạt động bến thủy nội địa	QT-10
4	Công bố hoạt động bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính	QT-11
5	Công bố lại hoạt động bến thủy nội địa	QT-12
6	Công bố mở, cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát	QT-13
7	Đóng, không cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát	QT-14
8	Đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước lần đầu	QT-15

9	Đăng ký lại phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	QT-16
10	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	QT-17
11	Xóa đăng ký hương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	QT-18

Phụ lục 2
NỘI DUNG CÁC QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC
HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA, LĨNH VỰC
ĐĂNG KIỂM THUỘC CHỨC NĂNG QUẢN LÝ
CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI THÀNH PHỐ HÀ NỘI
(Kèm theo Quyết định số 2511/QĐ-UBND ngày 11/5/2024
của Chủ tịch UBND Thành phố)

A. CÁC QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI THÀNH PHỐ HÀ NỘI (06 quy trình)

I. LĨNH VỰC ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA

1. Công bố hoạt động cảng thủy nội địa (QT-01)

1	Mục đích: Quy định trình tự và cách thức công bố hoạt động cảng thủy nội địa trên đường thủy nội địa địa phương; đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương
2	Phạm vi: Áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có nhu cầu công bố hoạt động cảng thủy nội địa trên đường thủy nội địa địa phương; đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương. Cán bộ, công chức thuộc Sở Giao thông vận tải chịu trách nhiệm thực hiện quy trình này.
3	Nội dung quy trình
3.1	Cơ sở pháp lý
	1. Luật Giao thông đường thủy nội địa số 23/2004/QH11 ngày 15/6/2004; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa số 23/2004/QH11 ngày 17/6/2014 của Quốc hội khóa XII; 2. Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ về quản lý hoạt động đường thủy nội địa; Nghị định số 06/2024/NĐ-CP ngày 25/01/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa; 3. Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 8/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt; 4. Quyết định số 161/QĐ-BGTVT ngày 19/02/2024 của Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung

	và thay thế trong lĩnh vực đường thủy nội địa thuộc phạm vi chức năng của Bộ Giao thông vận tải; 5. Quyết định số 2065/QĐ-UBND ngày 17/4/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố danh mục thủ tục hành chính, thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực đường thủy nội địa, lĩnh vực đăng kiểm thuộc chức năng quản lý của Sở Giao thông vận tải thành phố Hà Nội.		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
a	Đơn đề nghị công bố hoạt động cảng thủy nội địa theo mẫu	x	
b	Bản sao có chứng thực hoặc bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu văn bản phê duyệt dự án đầu tư xây dựng cảng thủy nội địa của cơ quan có thẩm quyền		x
c	Bản sao có chứng thực hoặc bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu giấy tờ về sử dụng đất để xây dựng cảng thủy nội địa do cơ quan có thẩm quyền cấp		x
d	Bản sao quyết định phê duyệt dự án hoặc thiết kế kỹ thuật công trình cảng thủy nội địa		x
đ	Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình xây dựng đưa vào sử dụng; bản vẽ hoàn công mặt bằng, mặt chiếu đứng và mặt cắt ngang công trình cảng thủy nội địa	x	
e	Biên bản nghiệm thu kết quả rà tìm vật chướng ngại trong vùng nước cảng; biên bản xác nhận thiết lập báo hiệu tại cảng	x	
g	Bản sao giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của công-tông, phao neo thuộc đối tượng phải đăng kiểm (nếu sử dụng công-tông làm cầu cảng)		x

h	Văn bản nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy của cơ quan có thẩm quyền theo quy định	x	
i	Bản sao giấy chứng nhận phù hợp an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài (đối với cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài)		x
k	Bản sao quyết định công bố mở luồng chuyên dùng của cơ quan có thẩm quyền (nếu có) đối với trường hợp cảng thủy nội địa có luồng chuyên dùng		x
<i>(Trường hợp gửi hồ sơ trực tuyến, thành phần hồ sơ là bản chính hoặc bản sao điện tử các thành phần hồ sơ tương ứng theo quy định).</i>			
3.3	Số lượng hồ sơ		
	01 bộ		
3.4	Thời gian xử lý		
	- Đối với cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài: + Thời hạn thẩm định hồ sơ: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. + Thời hạn ban hành quyết định công bố: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ và báo cáo thẩm định. - Đối với cảng thủy nội địa không tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định..		
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả		
	Nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc gửi qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến Sở Giao thông vận tải Hà Nội - Số 258 Võ Chí Công, phường Xuân La, quận Tây Hồ, Hà Nội		
3.6	Phí, lệ phí		
	100.000 VNĐ		
3.7	Quy trình xử lý công việc (chưa thấy thời gian thẩm định)		

TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ kết quả
B1	Nộp hồ sơ công bố hoạt động cảng thủy nội địa	Tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục 3.2
B2	Tiếp nhận hồ sơ và ghi giấy tiếp nhận, hẹn ngày	Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải	Giờ hành chính	Mẫu số 01 kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B3	Chuyển hồ sơ cho phòng chuyên môn	Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải	0,5 ngày	Mẫu số 05 kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B4	Phân công xử lý	Lãnh đạo Phòng chuyên môn - Sở Giao thông vận tải	0,5 ngày	Mẫu số 05 kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B5	Thẩm định hồ sơ	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng chuyên môn - Sở Giao thông vận tải	2 ngày	Mẫu số 02 (hoặc Mẫu số 03 hoặc mẫu số 04) kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP, Biên bản kiểm tra

B6	Soạn dự thảo Quyết định công bố hoạt động cảng thủy nội địa (<i>đối với cảng thủy nội địa không tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài</i>) hoặc dự thảo báo cáo thẩm định hồ sơ (<i>đối với cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài</i>); Trình lãnh đạo phòng, kiểm tra tổng thể hồ sơ, dự thảo văn bản, ký nháy lên văn bản.	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng chuyên môn - Sở Giao thông vận tải	1 ngày	Giấy phép
B7	Trình lãnh đạo Sở ký Quyết định hoặc báo cáo thẩm định hồ sơ; Hoàn thiện Quyết định hoặc báo cáo thẩm định	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng chuyên môn, Lãnh đạo Sở Giao thông vận tải	0,5 ngày	Giấy phép
B8	Bàn giao hồ sơ, kết quả ra bộ phận một cửa (<i>Đối với cảng thủy nội địa không tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài</i>) - Gửi báo cáo thẩm định kèm theo hồ sơ đến Bộ Giao thông vận tải để ban hành quyết định công bố hoạt động cảng thủy nội địa trong thời hạn 05 ngày làm việc (<i>Đối với cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài</i>)	Chuyên viên - Sở Giao thông vận tải	0,5 ngày	Mẫu số 05 kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP

B9	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải	Giờ hành chính	Giấy phép, Mẫu số 01 kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B10	Thống kê và theo dõi. Chuyên viên Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm thống kê kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Chuyên viên Sở Giao thông vận tải	Giờ hành chính	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ; Sổ theo dõi hồ sơ
4	BIỂU MẪU			
	1. Mẫu Đơn đề nghị công bố hoạt động cảng thủy nội địa 2. Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả 3. Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (nếu có) 4. Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (nếu có) 5. Mẫu Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả (nếu có). 6. Mẫu Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ 7. Mẫu Sổ theo dõi hồ sơ.			

TÊN TỔ CHỨC,
CÁ NHÂN

Số: .../...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Công bố hoạt động cảng thủy nội địa

Kính gửi:(1)

Căn cứ Nghị định số .../2021/NĐ-CP ngày...tháng...năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa;

Tên tổ chức, cá nhân:

Người đại diện theo pháp luật:

Đăng ký doanh nghiệp (hộ gia đình): số...ngày ... tháng ... năm tại

Địa chỉ: số điện thoại liên hệ:

Đề nghị công bố cảng (bến) thủy nội địa (2)

1. Vị trí cảng (bến) có tọa độ (3)

Từ km thứ đến km thứ

Trên bờ (phải hay trái) sông, kênh

Thuộc địa phận: xã (phường, thị trấn) huyện (quận)

Tỉnh (thành phố)

2. Cảng (bến) thuộc loại

3. Phạm vi vùng đất sử dụng

4. Quy mô về cơ sở hạ tầng (kết cấu công trình cầu cảng (công trình bến), số lượng cầu cảng, bến, kích thước cơ bản, công trình cầu cảng, bến; kho bãi, kết nối các phương thức vận tải khác).

5. Thiết bị xếp dỡ hàng hóa:

6. Phạm vi vùng nước sử dụng

7. Phạm vi vùng nước khu neo đậu.....tại vị trí có tọa độ

8. Phương án khai thác cảng (bến)

9. Dự kiến tiếp nhận phương tiện có mớn nước ... m hoặc trọng tải ...tấn; có sức chở... hành khách.

10. Thời gian hoạt động: từ ngày....tháng....năm... đến ngày ...tháng...năm...

11. Hồ sơ gửi kèm:

Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về những nội dung trên đây và cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về giao thông vận tải đường thủy nội địa, pháp luật khác có liên quan và nội dung quy định trong quyết định công bố hoạt động cảng (bến).

Nơi nhận:

- Như trên;
- ...;
- Lưu: VT,...

TỔ CHỨC (CÁ NHÂN)

(Ký tên và đóng dấu)

Ghi chú:

- (1) Cơ quan có thẩm quyền công bố.
- (2) Tên cảng (bến).
- (3) Hệ tọa độ VN 2000.

2. Công bố lại hoạt động cảng thủy nội địa (QT-02)

1	Mục đích: Quy định trình tự và cách thức công bố lại hoạt động cảng thủy nội địa trên đường thủy nội địa địa phương, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương		
2	Phạm vi: Áp dụng đối với cá nhân, tổ chức có nhu cầu công bố lại hoạt động cảng thủy nội địa trên đường thủy nội địa địa phương, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương. Cán bộ, công chức thuộc Sở Giao thông vận tải chịu trách nhiệm thực hiện quy trình này.		
3	Nội dung quy trình		
3.1	Cơ sở pháp lý		
	1. Luật Giao thông đường thủy nội địa số 23/2004/QH11 ngày 15/6/2004; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa số 23/2004/QH11 ngày 17/6/2014 của Quốc hội khóa XII; 2. Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ về quản lý hoạt động đường thủy nội địa; Nghị định số 06/2024/NĐ-CP ngày 25/01/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa; 3. Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 8/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt; 4. Quyết định số 161/QĐ-BGTVT ngày 19/02/2024 của Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung và thay thế trong lĩnh vực đường thủy nội địa thuộc phạm vi chức năng của Bộ Giao thông vận tải; 5. Quyết định số 2065/QĐ-UBND ngày 17/4/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố danh mục thủ tục hành chính, thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực đường thủy nội địa, lĩnh vực đăng kiểm thuộc chức năng quản lý của Sở Giao thông vận tải thành phố Hà Nội.		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
a	Đơn đề nghị công bố lại hoạt động cảng thủy nội địa theo mẫu	x	

b	Hồ sơ (đối với phần thay đổi kết cấu công trình của cảng thủy nội địa)		
-	Bản sao quyết định phê duyệt dự án hoặc thiết kế kỹ thuật công trình cảng thủy nội địa		x
-	Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình xây dựng đưa vào sử dụng; bản vẽ hoàn công mặt bằng, mặt chiếu đứng và mặt cắt ngang công trình cảng thủy nội địa	x	
-	Biên bản nghiệm thu kết quả rà tìm vật chướng ngại trong vùng nước cảng; biên bản xác nhận thiết lập báo hiệu tại cảng	x	
-	Bản sao giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của công- tông, phao neo thuộc đối tượng phải đăng kiểm (nếu sử dụng công-tông làm cầu cảng)		x
-	Văn bản nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy của cơ quan có thẩm quyền theo quy định	x	
c	Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu văn bản của cơ quan có thẩm quyền về việc thay đổi vùng đất, vùng nước (đối với trường hợp thay đổi vùng đất, vùng nước của cảng thủy nội địa);		x
d	Bản sao có chứng thực hoặc bản sao xuất trình bản chính để đối chiếu các văn bản chứng minh việc thay đổi chủ cảng, bến (đối với trường hợp thay đổi chủ cảng thủy nội địa).		x
<i>(Trường hợp gửi hồ sơ trực tuyến, thành phần hồ sơ là bản chính hoặc bản sao điện tử các thành phần hồ sơ tương ứng theo quy định).</i>			
3.3	Số lượng hồ sơ		
	01 bộ		
3.4	Thời gian xử lý		

	- Đối với cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài: + Thời hạn thẩm định hồ sơ: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. + Thời hạn ban hành quyết định công bố: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ và báo cáo thẩm định. - Đối với cảng thủy nội địa không tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định			
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả			
	Nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc gửi qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến Sở Giao thông vận tải Hà Nội - Số 258 Võ Chí Công, phường Xuân La, quận Tây Hồ, Hà Nội			
3.6	Phí, lệ phí			
	100.000 VNĐ			
3.7	Quy trình xử lý công việc (xem lại quy trình chưa có thời gian thẩm định)			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ kết quả
B1	Nộp hồ sơ công bố hoạt động cảng thủy nội địa	Tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục 3.2
B2	Tiếp nhận hồ sơ và ghi giấy tiếp nhận, hẹn ngày	Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải	Giờ hành chính	Mẫu số 01 kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B3	Chuyển hồ sơ cho phòng chuyên môn	Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải	0,5 ngày	Mẫu số 05 kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP

B4	Phân công xử lý	Lãnh đạo Phòng chuyên môn - Sở Giao thông vận tải	0,5 ngày	Mẫu số 05 kèm theo Thông tư 01/2018/ TT-VPCP
B5	Thẩm định hồ sơ	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng chuyên môn - Sở Giao thông vận tải	2 ngày	Mẫu số 02 (hoặc Mẫu số 03 hoặc mẫu số 04) kèm theo Thông tư 01/2018/ TT-VPCP, Biên bản kiểm tra
B6	Soạn Quyết định công bố; Trình lãnh đạo phòng, kiểm tra tổng thể hồ sơ, Quyết định công bố, ký nháy lên Quyết định	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng chuyên môn - Sở Giao thông vận tải	1 ngày	Giấy phép
B7	Trình lãnh đạo Sở ký Quyết định; hoàn thiện Quyết định	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng chuyên môn, Lãnh đạo Sở Giao thông vận	0,5 ngày	Giấy phép

		tải		
B8	Bàn giao hồ sơ, kết quả ra bộ phận một cửa (<i>Đối với cảng thủy nội địa không tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài</i>) - Gửi báo cáo thẩm định kèm theo hồ sơ đến Bộ Giao thông vận tải để ban hành quyết định công bố hoạt động cảng thủy nội địa trong thời hạn 05 ngày làm việc (<i>Đối với cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài</i>)	Chuyên viên - Sở Giao thông vận tải	0,5 ngày	Mẫu số 05 kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B9	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải	Giờ hành chính	Giấy phép, Mẫu số 01 kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B10	Thống kê và theo dõi. Chuyên viên Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm thống kê kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Chuyên viên Sở GTVT	Giờ hành chính	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ; Sổ theo dõi hồ sơ
4	BIỂU MẪU			
	1. Mẫu Đơn đề nghị công bố lại hoạt động cảng thủy nội địa 2. Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả 3. Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (nếu có) 4. Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (nếu có) 5. Mẫu Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả (nếu có). 6. Mẫu Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ 7. Mẫu Sổ theo dõi hồ sơ.			

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../...

..., ngày ... tháng ... năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ**Công bố lại hoạt động cảng thủy nội địa**

Kính gửi:(1)

Căn cứ Nghị định số .../2021/NĐ-CP ngày...tháng...năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa;

Tên tổ chức, cá nhân:

Người đại diện theo pháp luật:

Đăng ký doanh nghiệp (hộ gia đình): số...ngày ... tháng ... năm tại

Địa chỉ: số điện thoại liên hệ:

Đề nghị công bố cảng (bến) thủy nội địa (2)

1. Vị trí cảng (bến) có tọa độ (3)

Từ km thứ đến km thứ

Trên bờ (phải hay trái) sông, kênh

Thuộc địa phận: xã (phường, thị trấn) huyện (quận)

Tỉnh (thành phố)

2. Cảng (bến) thuộc loại

3. Phạm vi vùng đất sử dụng

4. Quy mô về cơ sở hạ tầng (kết cấu công trình cầu cảng (công trình bến), số lượng cầu cảng, bến, kích thước cơ bản, công trình cầu cảng, bến; kho bãi, kết nối các phương thức vận tải khác).

5. Thiết bị xếp dỡ hàng hóa:

6. Phạm vi vùng nước sử dụng

7. Phạm vi vùng nước khu neo đậu.....tại vị trí có tọa độ

8. Phương án khai thác cảng (bến)

9. Dự kiến tiếp nhận phương tiện có mớn nước ... m hoặc trọng tải ...tấn; có sức chở... hành khách.

10. Thời gian hoạt động: từ ngày....tháng....năm... đến ngày ...tháng...năm...

11. Hồ sơ gửi kèm:

Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về những nội dung trên đây và cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về giao thông vận tải đường thủy nội địa, pháp luật khác có liên quan và nội dung quy định trong quyết định công bố hoạt động cảng (bến).

Nơi nhận:

- Như trên;
- ...;
- Lưu: VT,...

TỔ CHỨC (CÁ NHÂN)

(Ký tên và đóng dấu)

Ghi chú:

- (1) Cơ quan có thẩm quyền công bố.
- (2) Tên cảng (bến).
- (3) Hệ tọa độ VN 2000.

3. Cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn (QT-03)

1	Mục đích: Quy định trình tự và cách thức thủ tục cấp, cấp lại, chuyển đổi Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng hạng ba, hạng tư, máy trưởng hạng ba và chứng chỉ nghiệp vụ, chứng chỉ huấn luyện an toàn cơ bản thuộc thẩm quyền của Sở Giao thông vận tải
2	Phạm vi: Áp dụng đối với các cá nhân triển khai thực hiện cấp, cấp lại, chuyển đổi Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng hạng ba, hạng tư, máy trưởng hạng ba và chứng chỉ nghiệp vụ, chứng chỉ huấn luyện an toàn cơ bản thuộc trách nhiệm của Sở Giao thông vận tải. Cán bộ, công chức thuộc Sở Giao thông vận tải chịu trách nhiệm thực hiện quy trình này
3	Nội dung quy trình
3.1	Cơ sở pháp lý
	1. Luật Giao thông đường thủy nội địa 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2014; 2. Thông tư số 40/2019/TT-BGTVT ngày 15/10/2019 của Bộ Giao thông vận tải quy định thi, kiểm tra, cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn thuyền viên, người lái phương tiện thủy đường thủy nội địa; 3. Thông tư số 38/2023/TT-BGTVT ngày 18/12/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2019/TT-BGTVT ngày 15/10/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định thi, kiểm tra, cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa; 4. Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt; 5. Quyết định số 34/QĐ-BGTVT ngày 15/01/2024 của Bộ Giao thông

	vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực đường thủy nội địa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải; 6. Quyết định số 3315/QĐ-UBND ngày 12/9/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc thông qua phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải thành phố Hà Nội; 7. Quyết định số 2065/QĐ-UBND ngày 17/4/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố danh mục thủ tục hành chính, thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực đường thủy nội địa, lĩnh vực đăng kiểm thuộc chức năng quản lý của Sở Giao thông vận tải thành phố Hà Nội.		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	- Bản chính hoặc biểu mẫu điện tử Đơn đề nghị theo quy định;	x	
	- 02 (hai) ảnh màu hoặc bản điện tử ảnh màu cỡ 2x3 cm, nền trắng, ảnh chụp không quá 06 tháng;	x	
	- Bản chính hoặc bản điện tử hoặc bản sao điện tử Giấy chứng nhận sức khỏe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp;	x	x
	- Xuất trình bản chính để kiểm tra (trong trường hợp gửi trực tiếp) hoặc bản điện tử hoặc bản sao điện tử hoặc bản sao có chứng thực (trong trường hợp gửi qua đường bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc theo hình thức phù hợp khác) của các loại giấy tờ chứng nhận về thuyền trưởng hoặc máy trưởng hoặc chứng chỉ chuyên môn hoặc bản dịch công chứng sang tiếng Việt (đối với các loại giấy tờ chứng nhận về thuyền trưởng hoặc máy	x	x

	trưởng hoặc chứng chỉ chuyên môn do các cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp) để chứng minh đủ điều kiện xét cấp, cấp lại, chuyển đổi tương ứng với loại Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn theo quy định.		
3.3	Số lượng hồ sơ		
	01 bộ		
3.4	Thời gian xử lý		
	-Trong thời hạn 04 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ và người đề nghị xét cấp, cấp lại, chuyển đổi Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn đã nộp phí, lệ phí theo quy định (đối với trường hợp được cấp, cấp lại, chuyển đổi Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn). -Trong thời hạn 29 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ và người đề nghị xét cấp, cấp lại, chuyển đổi Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn đã nộp phí, lệ phí theo quy định (đối với trường hợp Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn còn hạn sử dụng bị mất không bị cơ quan có thẩm quyền thu giữ, xử lý).		
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả		
	Nộp hồ sơ tại địa chỉ http://dichvucong.hanoi.gov.vn hoặc trực tiếp tại bộ phận một cửa hoặc qua hệ thống bưu chính đến Sở Giao thông vận tải Hà Nội - Số 258 Võ Chí Công, phường Xuân La, Tây Hồ, Hà Nội.		
3.6	Phí, lệ phí		
	- Cấp mới, cấp lại chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng, máy trưởng: 50.000 đồng/giấy. - Cấp mới, cấp lại chứng chỉ chuyên môn: 20.000 đồng/giấy		

3.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả
3.7.1	Trường hợp được cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn			
B1	Nộp hồ sơ và phí, lệ phí cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng hạng ba, hạng tư, máy trưởng hạng ba và chứng chỉ nghiệp vụ, chứng chỉ huấn luyện an toàn cơ bản	Cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục 3.2
B2	- Tiếp nhận và ghi giấy tiếp nhận, hẹn ngày. - Thu phí, lệ phí - Bàn giao phí, lệ phí kèm bảng kê cho Văn phòng Sở vào cuối ngày làm việc.	- Bộ phận một cửa- Sở Giao thông vận tải; - Văn phòng Sở Giao thông vận tải	Giờ hành chính	- Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả - Biên lai thu phí, lệ phí
B3	Chuyển hồ sơ cho phòng chuyên môn	Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải	2 giờ	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ
B4	Phân công xử lý	Lãnh đạo phòng chuyên môn - Sở Giao thông vận tải	2 giờ	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ

B5	Thẩm định hồ sơ	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng chuyên môn - Sở Giao thông vận tải	2 ngày	Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ; Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ
B6	In giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng, máy trưởng, chứng chỉ chuyên môn, trình lãnh đạo phòng ký nháy giấy chứng nhận	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng chuyên môn - Sở Giao thông vận tải	0,5 ngày	Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng, máy trưởng, chứng chỉ chuyên môn
B7	Trình lãnh đạo Sở ký giấy chứng nhận, hoàn thiện kết quả (đóng dấu vào giấy chứng nhận)	Chuyên viên, Lãnh đạo Sở Giao thông vận tải	0,5 ngày	Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng, máy trưởng, chứng chỉ chuyên môn
B8	Bàn giao hồ sơ, kết quả ra bộ phận một cửa	Chuyên viên - Sở Giao thông vận tải	0,5 ngày	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ; giấy chứng nhận khả năng chuyên môn

				thuyền trưởng, máy trưởng, chứng chỉ chuyên môn
B9	Trả kết quả cho cá nhân	Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải	Giờ hành chính	Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng, máy trưởng, chứng chỉ chuyên môn; Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ
B10	Thống kê và theo dõi. Chuyên viên Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm thống kê kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Chuyên viên Bộ phận một cửa	Giờ hành chính	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ; Sổ theo dõi hồ sơ
3.7.2	Trường hợp giấy chứng nhận khả năng chuyên môn còn hạn sử dụng bị mất, không bị cơ quan có thẩm quyền thu giữ, xử lý			
B1	Nộp hồ sơ và phí, lệ phí cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng hạng ba, hạng tư, máy trưởng hạng ba và chứng	Cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục 3.2

	chỉ nghiệp vụ, chứng chỉ huấn luyện an toàn cơ bản			
B2	- Tiếp nhận và ghi giấy tiếp nhận, hẹn ngày. - Thu phí, lệ phí - Bàn giao phí, lệ phí kèm bảng kê cho Văn phòng Sở vào cuối ngày làm việc.	- Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải. - Văn phòng Sở Giao thông vận tải	Giờ hành chính	- Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả. - Biên lai thu phí, lệ phí.
B3	Chuyển hồ sơ cho phòng chuyên môn	Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải.	2 giờ	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ
B4	Phân công xử lý	Lãnh đạo phòng chuyên môn - Sở Giao thông vận tải	2 giờ	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ
B5	Thẩm định hồ sơ. Xác minh thông tin thu giữ, xử lý giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng, máy trưởng, chứng chỉ chuyên môn	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng chuyên môn- Sở Giao thông vận tải	27 ngày	Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ; Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ
B6	In giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng, máy trưởng, chứng chỉ chuyên môn, trình lãnh đạo phòng ký nháy giấy	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng chuyên môn - Sở Giao thông vận tải	0,5 ngày	Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng, máy

	chứng nhận			trưởng, chứng chỉ chuyên môn
B7	Trình lãnh đạo Sở ký giấy chứng nhận, hoàn thiện kết quả (đóng dấu vào giấy chứng nhận)	Chuyên viên, Lãnh đạo Sở Giao thông vận tải	0,5 ngày	Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng, máy trưởng, chứng chỉ chuyên môn
B8	Bàn giao hồ sơ, kết quả ra bộ phận một cửa	Chuyên viên -Sở Giao thông vận tải	0,5 ngày	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ;giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng, máy trưởng, chứng chỉ chuyên môn
B9	Trả kết quả cho cá nhân	Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải	Giờ hành chính	Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng, máy trưởng, chứng chỉ chuyên môn; Phiếu kiểm

				soát quá trình giải quyết hồ sơ
B10	Thông kê và theo dõi. Chuyên viên Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm thống kê kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Chuyên viên Bộ phận một cửa	Giờ hành chính	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ; Sổ theo dõi hồ sơ
4	BIỂU MẪU			
	1. Đơn đề nghị dự học, thi, kiểm tra, cấp, cấp lại, chuyển đổi Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn 2. Sổ cấp, cấp lại, chuyển đổi Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn phương tiện thủy nội địa 3. Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả 4. Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (nếu có) 5. Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (nếu có) 6. Mẫu Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả (nếu có) 7. Mẫu Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ 8. Mẫu Sổ theo dõi hồ sơ 9. Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn			

4. Chấp thuận hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước tại vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải (QT-04)

1	Mục đích: Quy định trình tự và cách thức chấp thuận hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước tại vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải		
2	Phạm vi: Áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có nhu cầu chấp thuận hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước tại vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải. Cán bộ, công chức thuộc Sở Giao thông vận tải chịu trách nhiệm thực hiện quy trình này.		
3	Nội dung quy trình		
3.1	Cơ sở pháp lý		
	1. Luật Giao thông đường thủy nội địa số 23/2004/QH11 ngày 15/6/2004; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa số 23/2004/QH11 ngày 17/6/2014 của Quốc hội khóa XII; 2. Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2019 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước; 3. Nghị định số 19/2024/NĐ-CP ngày 23/02/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2019 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước; 4. Quyết định số 290/QĐ-BGTVT ngày 22/03/2024 của Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực đường thủy nội địa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải; 5. Quyết định số 2065/QĐ-UBND ngày 17/4/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố danh mục thủ tục hành chính, thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực đường thủy nội địa, lĩnh vực đăng kiểm thuộc chức năng quản lý của Sở Giao thông vận tải thành phố Hà Nội.		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
a	Bản chính hoặc biểu mẫu điện tử Đơn đề nghị theo Mẫu	x	

b	Bản chính hoặc bản điện tử hoặc bản sao điện tử sơ đồ vị trí thiết lập báo hiệu hoặc sơ đồ vị trí thiết lập phao và cờ hiệu	X	X
c	Bản chính hoặc bản điện tử hoặc bản sao điện tử phương án bảo đảm an ninh, an toàn, cứu hộ, cứu nạn và ngăn ngừa ô nhiễm môi trường	X	X
3.3	Số lượng hồ sơ		
	01 bộ (mỗi loại 01 bản)		
3.4	Thời gian xử lý		
	- Thời hạn Sở Giao thông vận tải gửi văn bản lấy ý kiến đến Chi cục Đường thủy nội địa khu vực hoặc Cảng vụ hàng hải khu vực: 02 (hai) ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ. - Thời hạn Chi cục Đường thủy nội địa khu vực hoặc Cảng vụ hàng hải khu vực có văn bản trả lời: 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến của Sở Giao thông vận tải. - Thời hạn Sở Giao thông vận tải ra văn bản chấp thuận: 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản trả lời của Chi cục Đường thủy nội địa khu vực hoặc Cảng vụ hàng hải khu vực, hoặc kể từ ngày hết thời gian quy định xin ý kiến		
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả		
	Nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc gửi qua công dịch vụ công trực tuyến đến Sở Giao thông vận tải Hà Nội - Số 258 Võ Chí Công, phường Xuân La, quận Tây Hồ, Hà Nội		
3.6	Phí, lệ phí		
	Không có		
3.7	Quy trình xử lý công việc		

TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ kết quả
B1	Nộp hồ sơ đề nghị chấp thuận hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước tại vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải trên tuyến đường thủy nội địa địa phương	Tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục 3.2
B2	Tiếp nhận hồ sơ và ghi giấy tiếp nhận hoặc hẹn ngày:	Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải	Giờ hành chính	Mẫu số 01 kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B3	Chuyển hồ sơ cho phòng chuyên môn	Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải	0,5 ngày	Mẫu số 05 kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B4	Phân công xử lý	Lãnh đạo Phòng chuyên môn - Sở Giao thông vận tải	2 giờ	Mẫu số 05 kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B5	Soạn dự thảo văn bản gửi lấy ý kiến đến Chi cục Đường thủy nội địa khu vực hoặc Cảng vụ hàng hải khu vực; Trình lãnh đạo Phòng, kiểm tra tổng thể hồ sơ, dự thảo văn bản, ký nháy lên dự thảo văn bản	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng chuyên môn - Sở Giao thông vận tải	0,5 ngày	Văn bản
B6	Trình lãnh đạo Sở ký dự thảo văn	Chuyên	0,5 ngày	Văn bản

	bản gửi lấy ý kiến đến Chi cục Đường thủy nội địa khu vực hoặc Cảng vụ hàng hải khu vực; hoàn thiện dự thảo văn bản.	viên, Lãnh đạo phòng chuyên môn, Lãnh đạo Sở Giao thông vận tải		
B7	Thẩm định hồ sơ (sau khi nhận được văn bản trả lời của Chi cục Đường thủy nội địa khu vực hoặc Cảng vụ hàng hải khu vực, hoặc kể từ ngày hết thời gian quy định xin ý kiến)	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng chuyên môn - Sở Giao thông vận tải	1 ngày	Mẫu số 02 (hoặc Mẫu số 03 hoặc mẫu số 04) kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP, Biên bản kiểm tra
B8	Soạn dự thảo văn bản công bố; Trình lãnh đạo Phòng, kiểm tra tổng thể hồ sơ, dự thảo văn bản, ký nháy lên dự thảo văn bản	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng chuyên môn - Sở Giao thông vận tải	0,5 ngày	Văn bản
B9	Trình lãnh đạo Sở ký dự thảo văn bản chấp thuận; hoàn thiện dự thảo văn bản.	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng chuyên môn, Lãnh đạo Sở Giao thông vận tải	0,5 ngày	Văn bản
B10	Bàn giao hồ sơ, kết quả ra bộ phận	Chuyên	2 giờ	Mẫu số 05

	một cửa	viên - Sở Giao thông vận tải		kèm theo Thông tư 01/2018/ TT-VPCP
B11	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải	Giờ hành chính	Giấy phép, Mẫu số 01 kèm theo Thông tư 01/2018/ TT-VPCP
B12	Thống kê và theo dõi. Chuyên viên Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm thống kê kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Chuyên viên Sở Giao thông vận tải	Giờ hành chính	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ; Sổ theo dõi hồ sơ
4	BIỂU MẪU			
	1. Mẫu Đơn đề nghị. 2. Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả 3. Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (nếu có) 4. Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (nếu có) 5. Mẫu Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả (nếu có). 6. Mẫu Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ 7. Mẫu Sổ theo dõi hồ sơ.			

TÊN TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .../ĐĐN-
.....(1)

...(địa danh), ngày ... tháng ... năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ**Về việc chấp thuận tổ chức hoạt động vui chơi giải trí dưới nước.....(2)**

Kính gửi:(3)

1. Căn cứ pháp lý

Căn cứ Nghị định số.../2019/NĐ-CP ngày ... tháng năm 2019 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi giải trí dưới

nước.

Căn cứ.....(4).....

2. Nội dung đề xuất

a) Chiều dài vùng hoạt độngkm (từđến.....);

b) Chiều rộng vùng hoạt độngkm (từđến.....);

c) Thời gian bắt đầu thực hiện khai thác: từ giờ... phút, ngày... tháng...năm...đến giờ... phút, ngày... tháng...năm...;

d) Các nội dung khác..... (5)..... kính đề nghị(3)

..... xem xét, công bố vùng hoạt động(2)

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: VT,(7)

THỦ TRƯỞNG(6)

(Ký tên, đóng dấu, họ và tên)

Ghi chú:

- (1) Ký hiệu viết tắt của cơ quan, tổ chức (đơn vị, doanh nghiệp).
- (2) Nêu tên vùng hoạt động (nếu có).
- (3) Nêu tên cơ quan có thẩm quyền công bố theo quy định tại Nghị định này.
- (4) Nêu: Quyết định phê duyệt (nếu có) hoặc nhu cầu hoạt động của tổ chức, cá nhân.
- (5) Tên cơ quan, tổ chức, cá nhân.
- (6) Thẩm quyền ký là Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, cá nhân.
- (7) Chữ viết tắt tên cơ quan tham mưu và số lượng bản lưu (nếu cần).

II. LĨNH VỰC ĐĂNG KIỂM

5. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới (QT-05)

1	Mục đích: Quy định trình tự và cách thức thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới
2	Phạm vi: Áp dụng đối với tổ chức có nhu cầu cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới. Cán bộ, công chức thuộc Sở Giao thông vận tải chịu trách nhiệm thực hiện quy trình này.
3	Nội dung quy trình
3.1	Cơ sở pháp lý
	1. Nghị định số 139/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới; 2. Nghị định số 30/2023/NĐ-CP ngày 08/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 139/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới; 3. Thông tư số 44/2023/TT-BGTVT ngày 29/12/2023 của Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện Nghị định số 139/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới và Nghị định số 30/2023/NĐ-CP ngày 08/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 139/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới; 4. Quyết định số 701/QĐ-BGTVT ngày 09/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi lĩnh vực đăng kiểm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải; 5. Quyết định số 2065/QĐ-UBND ngày 17/4/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố danh mục thủ tục hành chính, thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực đường thủy nội địa, lĩnh vực đăng kiểm thuộc chức năng quản lý của Sở Giao thông vận tải thành phố Hà Nội.

3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	Văn bản đề nghị kiểm tra cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới theo mẫu;	X	
	Danh sách trích ngang nhân lực của đơn vị kèm theo các hồ sơ sau: Quyết định bổ nhiệm lãnh đạo đơn vị đăng kiểm; quyết định bổ nhiệm đối với phụ trách bộ phận kiểm định; bản sao được chứng thực hợp đồng lao động theo quy định, quyết định tuyển dụng hoặc tiếp nhận đối với đăng kiểm viên, nhân viên nghiệp vụ và các văn bằng, chứng chỉ được chứng thực của từng cá nhân;	X	X
	Bản đối chiếu các quy định về cơ sở vật chất, dây chuyền kiểm định theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia;	X	
	Bản vẽ bố trí mặt bằng tổng thể và mặt bằng nhà xưởng có bố trí dây chuyền và thiết bị kiểm tra;	X	
	Văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư của cơ quan có thẩm quyền của địa phương (bản sao có chứng thực hoặc bản chính để đối chiếu).	X	X
3.3	Số lượng hồ sơ		
	01 bộ		
3.4	Thời gian xử lý		
	- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, nếu hồ sơ đầy đủ và phù hợp theo quy định, Sở Giao thông vận tải thông báo cho tổ chức thành lập đơn vị đăng kiểm về thời gian kiểm tra, đánh giá thực tế đơn vị đăng kiểm.		

	Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, không phù hợp theo quy định, Sở Giao thông vận tải phải thông báo cho tổ chức thành lập đơn vị đăng kiểm bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do; - Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày thông báo kiểm tra, đánh giá, Sở Giao thông vận tải tiến hành kiểm tra, đánh giá thực tế. Nếu đạt yêu cầu thì cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới theo mẫu quy định trong thời hạn 05 ngày làm việc; nếu kết quả kiểm tra, đánh giá không đạt yêu cầu thì Sở Giao thông vận tải phải thông báo bằng văn bản trong thời hạn 05 ngày làm việc để tổ chức thành lập đơn vị đăng kiểm khắc phục và tiến hành kiểm tra, đánh giá lại.			
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả			
	Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải Hà Nội, Số 258 Võ Chí Công, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc bằng hình thức trực tuyến.			
3.6	Phí, lệ phí			
	Không có			
3.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả
B1	Nộp hồ sơ: Tổ chức, cá nhân có thể nộp hồ sơ và nhận kết quả trực tiếp tại Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải Hà Nội hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc bằng hình thức trực tuyến.	tổ chức/cá nhân (được ủy quyền theo quy định)	Giờ hành chính	Theo mục 3.2

B2	- Đối với hồ sơ đúng quy định tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ và ghi phiếu tiếp nhận giải quyết thủ tục hành chính; - Với hồ sơ không đúng quy định hướng dẫn Tổ chức/cá nhân bổ sung, điều chỉnh hồ sơ và ghi phiếu từ chối hồ sơ.	Chuyên viên Bộ phận một cửa	Giờ hành chính	- Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả - Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ - Phiếu kiểm soát hồ sơ
B3	Bàn giao hồ sơ: Thành phần theo mục 3.2	- Chuyên viên Bộ phận một cửa - Chuyên viên phòng Quản lý vận tải	02 giờ	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ
B4	Thụ lý hồ sơ: Kiểm tra hồ sơ, đối chiếu với các quy định. Nếu hồ sơ đầy đủ và phù hợp theo quy định, Sở Giao thông vận tải thông báo cho tổ chức thành lập đơn vị đăng kiểm về thời gian kiểm tra, đánh giá thực tế đơn vị đăng kiểm. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, không phù hợp theo quy định, Sở Giao thông vận tải phải thông báo cho tổ chức thành lập đơn vị đăng kiểm bằng văn bản, trong đó nêu rõ	Chuyên viên phòng Quản lý vận tải	15 giờ	Phiếu kiểm soát hồ sơ

	lý do.			
B4.1	Nếu hồ sơ đầy đủ và phù hợp theo quy định			
B4.1.1	Dự thảo thông báo cho tổ chức thành lập đơn vị đăng kiểm về thời gian kiểm tra, đánh giá thực tế đơn vị đăng kiểm.	Chuyên viên Phòng Quản lý vận tải	01 giờ	Bản dự thảo văn bản
B4.1.2	Bản dự thảo thông báo cho tổ chức thành lập đơn vị đăng kiểm về thời gian kiểm tra, đánh giá thực tế đơn vị đăng kiểm.	Lãnh đạo Phòng Quản lý vận tải	02 giờ	Bản dự thảo đã được ký kiểm duyệt (ký nháy)
B4.1.3	Thông báo cho tổ chức thành lập đơn vị đăng kiểm về thời gian kiểm tra, đánh giá thực tế đơn vị đăng kiểm.	Lãnh đạo Sở	02 giờ	Bản dự thảo đã được ký duyet
B4.1.4	Thông báo cho tổ chức thành lập đơn vị đăng kiểm về thời gian kiểm tra, đánh giá thực tế đơn vị đăng kiểm.	Văn phòng, Chuyên viên Phòng Quản lý vận tải	02 giờ	Phô tô, đóng dấu văn bản lưu hồ sơ
B4.1.5	Thông báo cho tổ chức thành lập đơn vị đăng kiểm về thời gian kiểm tra, đánh giá thực tế đơn vị đăng kiểm.	Chuyên viên Phòng Quản lý vận tải, Chuyên viên bộ phận một cửa	02 giờ	Chuyển bộ phận một cửa và phát hành văn bản theo đường bưu chính, phiếu kiểm soát hồ

				sơ, sổ theo dõi hồ sơ
B4.2	Nếu hồ sơ không đầy đủ và không phù hợp theo quy định			
B4.2.1	Dự thảo thông báo cho tổ chức thành lập đơn vị đăng kiểm bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do.	Chuyên viên Phòng Quản lý vận tải	01 giờ	Bản dự thảo văn bản
B4.2.2	Bản dự thảo thông báo cho tổ chức thành lập đơn vị đăng kiểm bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do.	Lãnh đạo Phòng Quản lý vận tải	02 giờ	Bản dự thảo đã được ký kiểm duyệt (ký nháy)
B4.2.3	Thông báo cho tổ chức thành lập đơn vị đăng kiểm bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do.	Lãnh đạo Sở	02 giờ	Bản dự thảo đã được ký duyệt
B4.2.4	Thông báo cho tổ chức thành lập đơn vị đăng kiểm bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do.	Văn phòng, Chuyên viên Phòng Quản lý vận tải	02 giờ	Phô tô, đóng dấu văn bản lưu hồ sơ
B4.2.5	Thông báo cho tổ chức thành lập đơn vị đăng kiểm bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do.	Chuyên viên Phòng Quản lý vận tải, Chuyên viên bộ phận một cửa	02 giờ	Chuyển bộ phận một cửa và phát hành văn bản theo đường bưu chính, phiếu kiểm soát hồ sơ, sổ theo dõi hồ

				sơ
B5	Tổ chức kiểm tra, đánh giá thực tế	Đại diện các phòng, ban đơn vị có liên quan (theo Giấy mời thời điểm tổ chức kiểm tra)	05 ngày	Biên bản kiểm tra, đánh giá
B5.1	Nếu hồ sơ đạt yêu cầu			
B5.1.1	Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới	Chuyên viên Phòng Quản lý vận tải	02 ngày	Bản dự thảo
B5.1.2	Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới	Lãnh đạo Phòng Quản lý vận tải	01 ngày	Bản dự thảo đã được ký kiểm duyệt (ký nháy)
B5.1.3	Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới	Lãnh đạo Sở	01 ngày	Bản dự thảo đã được ký duyệt
B5.1.4	Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới	Văn phòng, Chuyên viên Phòng Quản lý vận tải	0,5 ngày	Phô tô, đóng dấu Giấy chứng nhận lưu hồ sơ
B5.1.5	Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới	Chuyên viên Phòng Quản lý vận tải, Chuyên viên	0,5 ngày	Hoàn thiện hồ sơ bàn giao bộ phận một

		bộ phận một cửa		cửa, phiếu kiểm soát hồ sơ, sổ theo dõi hồ sơ
B5.2	Nếu hồ sơ không đạt yêu cầu			
B5.2.1	Soạn thảo văn bản hướng dẫn, khắc phục	Chuyên viên Phòng Quản lý vận tải	02 ngày	Dự thảo văn bản
B5.2.2	Văn bản hướng dẫn, khắc phục để kiểm tra, đánh giá lại	Lãnh đạo Phòng Quản lý vận tải	01 ngày	Bản dự thảo đã được ký kiểm duyệt (ký nháy)
B5.2.3	Văn bản hướng dẫn, khắc phục để kiểm tra, đánh giá lại	Lãnh đạo Sở	01 ngày	Bản dự thảo đã được ký duyệt
B5.2.4	Văn bản hướng dẫn, khắc phục để kiểm tra, đánh giá lại	Văn phòng, Chuyên viên Phòng Quản lý vận tải	0,5 ngày	Phô tô, đóng dấu văn bản lưu hồ sơ
B5.2.5	Văn bản hướng dẫn, khắc phục để kiểm tra, đánh giá lại	Chuyên viên Phòng Quản lý vận tải, Chuyên viên bộ phận một cửa	0,5 ngày	Hoàn thiện bàn giao hồ sơ một cửa, phiếu kiểm soát hồ sơ, sổ theo dõi hồ sơ
B6	Trả kết quả cho tổ chức, cá	Bộ phận một	Giờ	Văn bản

	nhân	cửa - Sở Giao thông vận tải	hành chính	hoặc Giấy chứng nhận, Mẫu số 01 kèm theo Thông tư 01/2018/ TT-VPCP
B7	Thống kê và theo dõi. Chuyên viên Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm thống kê kết quả thực hiện thủ tục hành chính.	Chuyên viên Sở Giao thông vận tải	Giờ hành chính	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ; Sổ theo dõi hồ sơ
4	BIỂU MẪU			
	1. Mẫu Văn bản đề nghị kiểm tra cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới 2. Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (nếu có) 3. Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (nếu có) 4. Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (nếu có) 5. Mẫu Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả (nếu có) 6. Mẫu Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (nếu có) 7. Mẫu Sổ theo dõi hồ sơ.			

Mẫu đề nghị kiểm tra cấp/cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giớiTÊN CQ, TC CHỦ QUẢN¹

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÊN TỔ CHỨC/ĐƠN VỊ

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐĂNG KIỂM²

Số:/.....

...³..., ngày tháng năm**ĐỀ NGHỊ KIỂM TRA CẤP/CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG KIỂM ĐỊNH XE CƠ GIỚI**Kính gửi:⁴.....

Căn cứ Nghị định số 139/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới; Nghị định số 30/2023/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 139/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới.

1. Tên tổ chức/đơn vị đăng kiểm:

2. Địa chỉ:

3. Số điện thoại (Fax):

4. Đề nghị cấp/cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới cho:.....

5. Lý do⁵:...⁶..... cam kết những nội dung trên là đúng.Hồ sơ⁷ gửi kèm (01 bộ) gồm:**Nơi nhận:**

- Như trên;

- ...;

- Lưu

TỔ CHỨC/ĐƠN VỊ ĐĂNG KIỂM*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*¹ Tên cơ quan, tổ chức chủ quản trực tiếp (nếu có).² Tên đơn vị đề nghị kiểm tra, cấp/cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới.³ Địa danh.⁴ Cơ quan thực hiện cấp/cấp lại Giấy chứng nhận.⁵ Đối với trường hợp cấp lại.⁶ Tên tổ chức/đơn vị đăng kiểm.⁷ Ghi rõ thành phần hồ sơ gửi kèm theo (quy định tại Điều 8, Điều 9 Nghị định này).

6. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới (QT-06)

1	Mục đích: Quy định trình tự và cách thức thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới
2	Phạm vi: Áp dụng đối với tổ chức có nhu cầu cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới. Cán bộ, công chức thuộc Sở Giao thông vận tải chịu trách nhiệm thực hiện quy trình này.
3	Nội dung quy trình
3.1	Cơ sở pháp lý
	1. Nghị định số 139/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới; 2. Nghị định số 30/2023/NĐ-CP ngày 08/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 139/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới; 3. Thông tư số 44/2023/TT-BGTVT ngày 29/12/2023 của Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện Nghị định số 139/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới và Nghị định số 30/2023/NĐ-CP ngày 08/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 139/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới; 4. Quyết định số 701/QĐ-BGTVT ngày 09/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi lĩnh vực đăng kiểm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải; 5. Quyết định số 2065/QĐ-UBND ngày 17/4/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố danh mục thủ tục hành chính, thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực đường thủy nội địa, lĩnh

	vực đăng kiểm thuộc chức năng quản lý của Sở Giao thông vận tải thành phố Hà Nội.		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	- Văn bản đề nghị cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới theo mẫu. + Trường hợp 1: Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới bị mất, bị hỏng thì đơn vị đăng kiểm gửi văn bản đề nghị cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới. + Trường hợp 2: Đơn vị đăng kiểm xe cơ giới có sự thay đổi về vị trí, mặt bằng, xưởng kiểm định, bố trí dây chuyền kiểm định khác với hồ sơ cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới đã được cấp hoặc thay đổi về thiết bị kiểm tra làm ảnh hưởng đến số lượng dây chuyền kiểm định được hoạt động thì phải thông báo cho Sở Giao thông vận tải (kèm theo bản đối chiếu các quy định về cơ sở vật chất, dây chuyền kiểm định theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia).	X	
3.3	Số lượng hồ sơ		
	01 bộ		
3.4	Thời gian xử lý		
	- Trường hợp 1: Trường hợp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới bị mất, bị hỏng: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị; - Trường hợp 2: Trường hợp đơn vị đăng kiểm xe cơ giới có sự thay		

	đổi về vị trí, mặt bằng, xưởng kiểm định, bố trí dây chuyền kiểm định khác với hồ sơ cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới đã được cấp hoặc thay đổi về thiết bị kiểm tra làm ảnh hưởng đến số lượng dây chuyền kiểm định được hoạt động: + Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày thông báo, Sở Giao thông vận tải thực hiện kiểm tra, đánh giá nội dung thay đổi. + Nếu đạt yêu cầu thì cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới trong thời hạn 05 ngày làm việc; nếu kết quả kiểm tra, đánh giá không đạt yêu cầu thì Sở Giao thông vận tải phải thông báo bằng văn bản trong thời hạn 05 ngày làm việc để đơn vị đăng kiểm khắc phục và tiến hành kiểm tra, đánh giá lại.			
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả			
	Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải Hà Nội hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc bằng hình thực trực tuyến.			
3.6	Phí, lệ phí			
	Không có			
3.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả
B1	Nộp hồ sơ: Tổ chức, cá nhân có thể nộp hồ sơ và nhận kết quả trực tiếp tại Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải Hà Nội hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc bằng hình thực trực tuyến.	tổ chức/cá nhân (được ủy quyền theo quy định)	Giờ hành chính	Theo mục 3.2

B2	- Đối với hồ sơ đúng quy định tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ và ghi phiếu tiếp nhận giải quyết thủ tục hành chính; - Với hồ sơ không đúng quy định hướng dẫn Tổ chức/cá nhân bổ sung, điều chỉnh hồ sơ và ghi phiếu từ chối hồ sơ.	Chuyên viên Bộ phận một cửa	Giờ hành chính	-Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả -Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ -Phiếu kiểm soát hồ sơ
B3	Bàn giao hồ sơ: theo thành phần mục 3.2	- Chuyên viên Bộ phận một cửa - Chuyên viên phòng Quản lý vận tải	02 giờ	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ
B4	Thụ lý hồ sơ			
B4.1	Trường hợp 1: Trường hợp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới bị mất, bị hỏng			
B4.1.1	Kiểm tra hồ sơ, đối chiếu với các quy định.	Chuyên viên Phòng Quản lý vận tải	02 ngày	- Hồ sơ; phiếu kiểm soát hồ sơ
B4.1.2	Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới	Chuyên viên Phòng Quản lý vận tải	0,5 ngày	Bản dự thảo

B4.1.3	Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới	Lãnh đạo Phòng Quản lý vận tải	0,5 ngày	Bản dự thảo đã được ký kiểm duyệt (ký nháy)
B4.1.4	Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới	Lãnh đạo Sở	0,5 ngày	Bản dự thảo đã được ký duyệt
B4.1.5	Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới	Văn phòng, Chuyên viên Phòng Quản lý vận tải	0,5 ngày	Phô tô, đóng dấu Giấy chứng nhận lưu hồ sơ
B4.1.6	Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới	Chuyên viên Phòng Quản lý vận tải, Chuyên viên bộ phận một cửa	0,5 ngày	Hoàn thiện hồ sơ bàn giao bộ phận một cửa, phiếu kiểm soát hồ sơ, sổ theo dõi hồ sơ
B4.2	Trường hợp 2: Trường hợp đơn vị đăng kiểm xe cơ giới có sự thay đổi về vị trí, mặt bằng, xưởng kiểm định, bố trí dây chuyền kiểm định khác với hồ sơ cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới đã được cấp hoặc thay đổi về thiết bị kiểm tra làm ảnh hưởng đến số lượng dây chuyền kiểm			

	định được hoạt động:			
B4.2.1	Kiểm tra hồ sơ, đối chiếu với các quy định. Nếu hồ sơ đầy đủ và phù hợp theo quy định, Sở Giao thông vận tải thông báo cho đơn vị đăng kiểm về thời gian kiểm tra, đánh giá nội dung thay đổi; Tổ chức kiểm tra, đánh giá nội dung thay đổi	Chuyên viên phòng Quản lý vận tải; Đại diện các phòng, ban đơn vị có liên quan (theo Giấy mời thời điểm tổ chức kiểm tra)	4,5 ngày	Văn bản Thông báo cho đơn vị đăng kiểm biết kết quả thụ lý hồ sơ; Biên bản kiểm tra, đánh giá
B4.2.2	Nếu hồ sơ đạt yêu cầu			
B4.2.2.1	Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới	Chuyên viên Phòng Quản lý vận tải	02 ngày	Bản dự thảo
B4.2.2.2	Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới	Lãnh đạo Phòng Quản lý vận tải	01 ngày	Bản dự thảo đã được ký kiểm duyệt (ký nháy)
B4.2.2.3	Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới	Lãnh đạo Sở	01 ngày	Bản dự thảo đã được ký duyệt
B4.2.2.4	Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định	Văn phòng, Chuyên viên	0,5 ngày	Phô tô, đóng dấu

	xe cơ giới	Phòng Quản lý vận tải		Giấy chứng nhận lưu hồ sơ
B4.2.2.5	Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới	Chuyên viên Phòng Quản lý vận tải, Chuyên viên bộ phận một cửa	0,5 ngày	Hoàn thiện hồ sơ bàn giao bộ phận một cửa hoặc phát hành theo đường bưu chính, phiếu kiểm soát hồ sơ, sổ theo dõi hồ sơ
B4.2.3	Nếu hồ sơ không đạt yêu cầu			
B4.2.3.1	Soạn thảo văn bản hướng dẫn, khắc phục để kiểm tra, đánh giá lại	Chuyên viên Phòng Quản lý vận tải	02 ngày	Dự thảo văn bản
B4.2.3.2	Văn bản hướng dẫn, khắc phục để kiểm tra, đánh giá lại	Lãnh đạo Phòng Quản lý vận tải	01 ngày	Bản dự thảo đã được ký kiểm duyệt (ký nháy)

B4.2.3.3	Văn bản hướng dẫn, khắc phục để kiểm tra, đánh giá lại	Lãnh đạo Sở	01 ngày	Bạn dự thảo đã được ký duyệt
B4.2.3.4	Văn bản hướng dẫn, khắc phục để kiểm tra, đánh giá lại	Văn phòng, Chuyên viên Phòng Quản lý vận tải	0,5 ngày	Phô tô, đóng dấu văn bản lưu hồ sơ
B4.2.3.5	Văn bản hướng dẫn, khắc phục để kiểm tra, đánh giá lại	Chuyên viên Phòng Quản lý vận tải, Chuyên viên bộ phận một cửa	0,5 ngày	Hoàn thiện bản giao hồ sơ một, phiếu kiểm soát hồ sơ, sổ theo dõi hồ sơ
B5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải	Giờ hành chính	Văn bản hoặc Giấy chứng nhận, Mẫu số 01 kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B6	Thống kê và theo dõi. Chuyên viên Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm thống kê kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Chuyên viên Sở Giao thông vận tải	Giờ hành chính	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ; Sổ theo dõi

				hồ sơ
4	BIỂU MẪU			
	1. Mẫu Văn bản đề nghị kiểm tra cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới 2. Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (nếu có) 3. Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (nếu có) 4. Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (nếu có) 5. Mẫu Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả (nếu có) 6. Mẫu Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (nếu có) 7. Mẫu Sổ theo dõi hồ sơ.			

MẪU ĐỀ NGHỊ KIỂM TRA CẤP/CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN
HOẠT ĐỘNG KIỂM ĐỊNH XE CƠ GIỚI

TÊN CQ, TC CHỦ QUẢN¹

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÊN TỔ CHỨC/ĐƠN VỊ

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐĂNG KIỂM²

Số:/.....

...³..., ngày tháng năm

ĐỀ NGHỊ KIỂM TRA CẤP/CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN
HOẠT ĐỘNG KIỂM ĐỊNH XE CƠ GIỚI

Kính gửi:⁴.....

Căn cứ Nghị định số 139/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới; Nghị định số 30/2023/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 139/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới.

1. Tên tổ chức/đơn vị đăng kiểm:

2. Địa chỉ:

3. Số điện thoại (Fax):

4. Đề nghị cấp/cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới cho:

5. Lý do⁵:.....⁶..... cam kết những nội dung trên là đúng.Hồ sơ⁷ gửi kèm (01 bộ) gồm:.....
.....**Nơi nhận:**

- Như trên;

-;

- Lưu

TỔ CHỨC/ĐƠN VỊ ĐĂNG KIỂM

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

¹ Tên cơ quan, tổ chức chủ quản trực tiếp (nếu có).

² Tên đơn vị đề nghị kiểm tra, cấp/cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới.

³ Địa danh.

⁴ Cơ quan thực hiện cấp/cấp lại Giấy chứng nhận.

⁵ Đối với trường hợp cấp lại.

⁶ Tên tổ chức/đơn vị đăng kiểm.

⁷ Ghi rõ thành phần hồ sơ gửi kèm theo (quy định tại Điều 8, Điều 9 Nghị định này).

B. CÁC QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI VÀ UBND CẤP HUYỆN TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI (01 quy trình)**1. Gia hạn hoạt động cảng, bến thủy nội địa (QT-07)**

1	Mục đích: Quy định trình tự và cách thức công bố lại hoạt động cảng thủy nội địa trên đường thủy nội địa địa phương, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương
2	Phạm vi: Áp dụng đối với cá nhân, tổ chức có nhu cầu công bố lại hoạt động cảng thủy nội địa trên đường thủy nội địa địa phương, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương. Cán bộ, công chức thuộc Sở Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp huyện chịu trách nhiệm thực hiện quy trình này.
3	Nội dung quy trình
3.1	Cơ sở pháp lý
	1. Luật Giao thông đường thủy nội địa số 23/2004/QH11 ngày 15/6/2004; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa số 23/2004/QH11 ngày 17/6/2014 của Quốc hội khóa XII; 2. Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/1/2021 của Chính phủ về quản lý hoạt động đường thủy nội địa; Nghị định số 06/2024/NĐ-CP ngày 25/01/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa; 3. Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ về việc hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; 4. Quyết định số 161/QĐ-BGTVT ngày 19/02/2024 của Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung và thay thế trong lĩnh vực đường thủy nội địa thuộc phạm vi chức năng của Bộ Giao thông vận tải;

	5. Quyết định số 2065/QĐ-UBND ngày 17/4/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố danh mục thủ tục hành chính, thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực đường thủy nội địa, lĩnh vực đăng kiểm thuộc chức năng quản lý của Sở Giao thông vận tải thành phố Hà Nội.			
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao	
a	Đơn đề nghị gia hạn hoạt động cảng, bến thủy nội địa	x		
b	Giấy tờ liên quan đến đất xây dựng cảng, bến thủy nội địa được cơ quan có thẩm quyền gia hạn thời hạn sử dụng	x		
3.3	Số lượng hồ sơ			
	01 bộ			
3.4	Thời gian xử lý			
	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.			
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả			
	Nộp hồ sơ trực tiếp tại bộ phận một cửa hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc bằng hình thức trực tuyến đến Sở Giao thông vận tải Hà Nội (đối với gia hạn cảng thủy nội địa); Ủy ban nhân dân cấp huyện (đối với gia hạn bến thủy nội địa)			
3.6	Phí, lệ phí			
	Không			
3.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ kết quả
A	Sở Giao thông vận tải: Gia hạn đối với cảng thủy nội địa trên đường thủy nội địa địa phương, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương, cảng thủy nội địa trong vùng nước cảng biển nối với đường thủy nội địa địa phương trên địa bàn tỉnh,			

	thành phố trực thuộc trung ương trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Giao thông vận tải và các trường hợp khác do Bộ Giao thông vận tải quyết định			
B1	Nộp hồ sơ gia hạn cảng thủy nội địa trên đường thủy nội địa địa phương; đường thủy nội địa chuyên dùng nối đường thủy nội địa địa phương; bến thủy nội địa trên địa bàn Thành phố	Tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục 3.2
B2	Tiếp nhận hồ sơ và ghi giấy tiếp nhận, hẹn ngày	Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải	Giờ hành chính	Mẫu số 05 kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B3	Chuyển hồ sơ cho phòng chuyên môn	Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải	0,5 ngày	Mẫu số 05 kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B4	Phân công xử lý	Lãnh đạo Phòng chuyên môn - Sở Giao thông vận tải	0,5 ngày	Mẫu số 05 kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B5	Thẩm định hồ sơ	Chuyên viên, Lãnh	2 ngày	Mẫu số 02 (hoặc Mẫu số 03, Mẫu

		đạo phòng chuyên môn - Sở Giao thông vận tải		số 04) kèm theo TT 01/2018/ TT-VPCP
B6	Soạn văn bản chấp thuận; Trình lãnh đạo phòng, kiểm tra tổng thể hồ sơ, văn bản chấp thuận, ký nháy lên văn bản	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng chuyên môn - Sở Giao thông vận tải	1 ngày	Văn bản
B7	Trình lãnh đạo Cơ quan ký văn bản chấp thuận; hoàn thiện văn bản	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng chuyên môn, Lãnh đạo Sở Giao thông vận tải	0,5 ngày	Văn bản
B8	Bàn giao hồ sơ, kết quả ra bộ phận một cửa	Chuyên viên - Sở	0,5 ngày	Mẫu số 05 kèm theo Thông tư 01/2018/

		Giao thông vận tải		TT-VPCP
B9	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải	Giờ hành chính	Giấy phép, Mẫu số 01 kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B10	Thống kê và theo dõi. Chuyên viên Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm thống kê kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Chuyên viên Sở Giao thông vận tải	Giờ hành chính	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ; Sổ theo dõi hồ sơ
B	Ủy ban nhân dân cấp huyện: Gia hạn bến thủy nội địa, bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.			
B1	Nộp hồ sơ gia hạn cảng thủy nội địa trên đường thủy nội địa địa phương; đường thủy nội địa chuyên dùng nối đường thủy nội địa địa phương; bến thủy nội địa trên địa bàn Thành phố	Tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục 3.2
B2	Tiếp nhận hồ sơ và ghi giấy tiếp nhận, hẹn ngày	Bộ phận một cửa - Ủy ban nhân dân cấp huyện	Giờ hành chính	Mẫu số 05 kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP

B3	Chuyển hồ sơ cho phòng chuyên môn	Bộ phận một cửa - Ủy ban nhân dân cấp huyện	0,5 ngày	Mẫu số 05 kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B4	Phân công xử lý	Lãnh đạo Phòng chuyên môn - Ủy ban nhân dân cấp huyện	0,5 ngày	Mẫu số 05 kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B5	Thẩm định hồ sơ	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng chuyên môn - Ủy ban nhân dân cấp huyện	2 ngày	Mẫu số 02 (hoặc Mẫu số 03, Mẫu số 04) kèm theo TT 01/2018/TT-VPCP
B6	Soạn văn bản chấp thuận; Trình lãnh đạo phòng, kiểm tra tổng thể hồ sơ, văn bản chấp thuận, ký nháy lên văn bản	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng	1 ngày	Văn bản

		chuyên môn - Ủy ban nhân dân cấp huyện		
B7	Trình lãnh đạo Cơ quan ký văn bản chấp thuận; hoàn thiện văn bản	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng chuyên môn, Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện	0,5 ngày	Văn bản
B8	Bàn giao hồ sơ, kết quả ra bộ phận một cửa	Chuyên viên - Ủy ban nhân dân cấp huyện	0,5 ngày	Mẫu số 05 kèm theo Thông tư 01/2018/ TT-VPCP
B9	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận một cửa - Ủy ban nhân dân cấp huyện	Giờ hành chính	Giấy phép, Mẫu số 01 kèm theo Thông tư 01/2018/ TT-VPCP

B10	Thống kê và theo dõi. Chuyên viên Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm thống kê kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Chuyên viên Ủy ban nhân dân cấp huyện	Giờ hành chính	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ; Sổ theo dõi hồ sơ
4	BIỂU MẪU			
	1. Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả 2. Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (nếu có) 3. Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (nếu có) 4. Mẫu Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả (nếu có). 5. Mẫu Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ 6. Mẫu Sổ theo dõi hồ sơ.			

C. CÁC QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP HUYỆN TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI (11 quy trình)**1. Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến thủy nội địa (QT-08)**

1	Mục đích: Quy định trình tự và cách thức thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến thủy nội địa.		
2	Phạm vi: Áp dụng đối với cá nhân, tổ chức thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến thủy nội địa. Cán bộ, công chức thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện chịu trách nhiệm thực hiện quy trình này.		
3	Nội dung quy trình		
3.1	Cơ sở pháp lý		
	1. Luật Giao thông đường thủy nội địa số 23/2004/QH11 ngày 15/6/2004; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa số 23/2004/QH11 ngày 17/6/2014 của Quốc hội khóa XII; 2. Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/1/2021 của Chính phủ về quản lý hoạt động đường thủy nội địa; Nghị định số 06/2024/NĐ-CP ngày 25/01/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa; 3. Quyết định số 161/QĐ-BGTVT ngày 19/02/2024 của Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung và thay thế trong lĩnh vực đường thủy nội địa thuộc phạm vi chức năng của Bộ Giao thông vận tải; 4. Quyết định số 2065/QĐ-UBND ngày 17/4/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố danh mục thủ tục hành chính, thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực đường thủy nội địa, lĩnh vực đăng kiểm thuộc chức năng quản lý của Sở Giao thông vận tải thành phố Hà Nội.		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
a	Đơn đề nghị thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến thủy nội địa theo mẫu	x	

b	Bản sao văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư dự án của cơ quan có thẩm quyền (nếu có)		x	
c	Sơ đồ mặt bằng vị trí dự kiến xây dựng bến thủy nội địa: Thể hiện địa danh, vị trí công trình, vùng đất, vùng nước trước bến thủy nội địa, lý trình (km) sông, kênh, rạch và các công trình liên kề (nếu có)	x		
3.3	Số lượng hồ sơ			
	01 bộ			
3.4	Thời gian xử lý			
	- Thời hạn Chi cục đường thủy nội địa khu vực, Cảng vụ hàng hải (đối với trường hợp bến thủy nội địa trong vùng nước cảng biển) có văn bản trả lời: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp huyện. - Thời hạn thẩm định, thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản của Chi cục đường thủy nội địa khu vực, Cảng vụ hàng hải (đối với trường hợp bến thủy nội địa trong vùng nước cảng biển).			
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả			
	Bộ phận một cửa - Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc bằng hình thức trực tuyến.			
3.6	Phí, lệ phí			
	Không			
3.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/kết quả
B1	Nộp hồ sơ thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến thủy nội địa	Tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục 3.2
B2	Tiếp nhận hồ sơ và ghi giấy tiếp	Bộ phận	Giờ	Mẫu số 05

	nhận, hẹn ngày	một cửa - Ủy ban nhân dân cấp huyện	hành chính	kèm theo Thông tư 01/2018/ TT-VPCP
B3	Chuyển hồ sơ cho phòng chuyên môn	Bộ phận một cửa - Ủy ban nhân dân cấp huyện	0,5 ngày	Mẫu số 05 kèm theo TT 01/2018/ TT-VPCP
B4	Phân công xử lý	Lãnh đạo Phòng chuyên môn - Ủy ban nhân dân cấp huyện	0,5 ngày	Mẫu số 05 kèm theo Thông tư 01/2018/ TT-VPCP
B5	Thẩm định hồ sơ, tổng hợp ý kiến cơ quan liên quan	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng chuyên môn - Ủy ban nhân dân cấp huyện		
B5.1	Ban hành văn bản xin ý kiến của cơ quan có liên quan	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng chuyên môn - Ủy ban nhân dân cấp huyện	1 ngày	Văn bản xin ý kiến

B5.2	<i>Trong thời hạn 05 ngày làm việc, cơ quan liên quan có văn bản tham gia ý kiến</i>			
B5.3	Sau khi nhận được văn bản tham gia ý kiến của cơ quan liên quan, tổng hợp ý kiến của các cơ quan có liên quan, thẩm định hồ sơ	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng chuyên môn - Ủy ban nhân dân cấp huyện	1 ngày	Mẫu số 02 (hoặc Mẫu số 03, Mẫu số 04) kèm theo TT 01/2018/ TT-VPCP, Biên bản kiểm tra
B6	Soạn văn bản; Trình lãnh đạo phòng, kiểm tra tổng thể hồ sơ, dự thảo văn bản, ký nháy lên văn bản	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng chuyên môn - Ủy ban nhân dân cấp huyện	1 ngày	Văn bản
B7	Trình lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện ký văn bản; hoàn thiện văn bản	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng chuyên môn, Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện	06 giờ	Văn bản
B8	Bàn giao hồ sơ, kết quả ra bộ phận một cửa	Chuyên viên - Ủy ban nhân dân cấp	02 giờ	Mẫu số 05 kèm theo Thông tư 01/2018/ TT-VPCP

		huyện		
B9	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận một cửa - Ủy ban nhân dân cấp huyện	Giờ hành chính	Văn bản, Mẫu số 01 kèm theo Thông tư 01/2018/ TT- VPCP
B10	Thống kê và theo dõi. Chuyên viên Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm thống kê kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Chuyên viên Ủy ban nhân dân cấp huyện	Giờ hành chính	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ; Sổ theo dõi hồ sơ
4	BIỂU MẪU			
	1. Đơn đề nghị thỏa thuận thông số kỹ thuật bến thủy nội địa 2. Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả 3. Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (nếu có) 4. Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (nếu có) 5. Mẫu Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả (nếu có). 6. Mẫu Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ 7. Mẫu Sổ theo dõi hồ sơ.			

**TÊN TỔ CHỨC, CÁ
NHÂN**

Số: .../...

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến thủy nội địa

Kính gửi:(1)

Căn cứ Nghị định số .../2021/NĐ-CP ngày ...tháng...năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa;

Tên tổ chức, cá nhân:

Người đại diện theo pháp luật:

Đăng ký doanh nghiệp (hộ gia đình): số...ngày ... tháng năm ... tại

Địa chỉ: số điện thoại liên hệ:

Đề nghị xây dựng cảng, bến thủy nội địa (tên cảng, bến thủy nội địa)

1. Vị trí dự kiến xây dựng có tọa độ (3).....

Từ km thứ đến km thứ

Trên bờ (phải hay trái) sông, kênh)

Thuộc địa phận: xã (phường, thị trấn) huyện (quận)

Tỉnh (thành phố):

2. Quy mô dự kiến (số cầu cảng, bến; kết cấu, cao trình mặt cầu cảng, bến).

3. Mục đích sử dụng

4. Phạm vi vùng đất sử dụng

5. Dự kiến tiếp nhận phương tiện có mớn nước ...m; có sức chở... hành khách.

6. Phạm vi vùng nước sử dụng: (chiều dài dọc theo bờ sông, kênh ...m, chiều rộng từ mép ngoài cầu cảng, bến...m);

7. Thời gian thực hiện:

8. Hồ sơ gửi kèm:

Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về những nội dung trên đây và cam kết thực hiện nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về giao thông vận tải đường thủy nội địa, pháp luật khác có liên quan và nội dung trong văn bản thỏa thuận xây dựng, (thiết lập) cảng (bến).

THỦ TRƯỞNG

(Ký tên và đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên;
- ...;
- Lưu: VT,...

Ghi chú:

- (1) Cơ quan có thẩm quyền thỏa thuận.
- (2) Đối với bến thủy nội địa tạm thời không phải ghi nội dung này.
- (3) Hệ tọa độ VN 2000.

2. Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính (QT-09)

1	Mục đích: Quy định trình tự và cách thức thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính.		
2	Phạm vi: Áp dụng đối với cá nhân, tổ chức thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính.. Cán bộ, công chức thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện chịu trách nhiệm thực hiện quy trình này.		
3	Nội dung quy trình		
3.1	Cơ sở pháp lý		
	1. Luật Giao thông đường thủy nội địa số 23/2004/QH11 ngày 15/6/2004; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa số 23/2004/QH11 ngày 17/6/2014 của Quốc hội khóa XII; 2. Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/1/2021 của Chính phủ về quản lý hoạt động đường thủy nội địa; Nghị định số 06/2024/NĐ-CP ngày 25/01/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa; 3. Quyết định số 161/QĐ-BGTVT ngày 19/02/2024 của Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung và thay thế trong lĩnh vực đường thủy nội địa thuộc phạm vi chức năng của Bộ Giao thông vận tải; 4. Quyết định số 2065/QĐ-UBND ngày 17/4/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố danh mục thủ tục hành chính, thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực đường thủy nội địa, lĩnh vực đăng kiểm thuộc chức năng quản lý của Sở Giao thông vận tải thành phố Hà Nội.		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
a	Đơn đề nghị thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến thủy nội địa theo mẫu	x	

b	Bản vẽ mặt bằng vị trí dự kiến xây dựng bến thủy nội địa: Thể hiện địa danh, vị trí công trình lân cận, vùng đất, vùng nước trước bến, lý trình (km) sông, kênh, rạch	x		
3.3	Số lượng hồ sơ			
	01 bộ			
3.4	Thời gian xử lý			
	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định			
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả			
	Bộ phận một cửa - Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc bằng hình thức trực tuyến.			
3.6	Phí, lệ phí			
	Không			
3.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ kết quả
B1	Nộp hồ sơ thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính	Tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục 3.2
B2	Tiếp nhận hồ sơ và ghi giấy tiếp nhận, hẹn ngày	Bộ phận một cửa - Ủy ban nhân dân cấp huyện	Giờ hành chính	Mẫu số 05 kèm theo Thông tư 01/2018/ TT-VPCP
B3	Chuyển hồ sơ cho phòng chuyên môn	Bộ phận một cửa - Ủy ban nhân dân	0,5 ngày	Mẫu số 05 kèm theo TT 01/2018/ TT-VPCP

		cấp huyện		
B4	Phân công xử lý	Lãnh đạo Phòng chuyên môn - Ủy ban nhân dân cấp huyện	0,5 ngày	Mẫu số 05 kèm theo Thông tư 01/2018/ TT- VPCP
B5	Thẩm định hồ sơ	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng chuyên môn - Ủy ban nhân dân cấp huyện	2 ngày	Mẫu số 02 (hoặc Mẫu số 03, Mẫu số 04) kèm theo TT 01/2018/ TT- VPCP, Biên bản kiểm tra
B6	Soạn văn bản; Trình lãnh đạo phòng, kiểm tra tổng thể hồ sơ, dự thảo văn bản, ký nháy lên văn bản	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng chuyên môn - Ủy ban nhân dân cấp huyện	1 ngày	Quyết định
B7	Trình lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện ký văn bản; hoàn thiện văn bản	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng chuyên môn, Lãnh đạo Ủy ban	06 giờ	Quyết định

		nhân dân cấp huyện		
B8	Bàn giao hồ sơ, kết quả ra bộ phận một cửa	Chuyên viên - Ủy ban nhân dân cấp huyện	02 giờ	Mẫu số 05 kèm theo Thông tư 01/2018/ TT-VPCP
B9	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận một cửa - Ủy ban nhân dân cấp huyện	Giờ hành chính	Quyết định, Mẫu số 01 kèm theo Thông tư 01/2018/ TT-VPCP
B10	Thống kê và theo dõi. Chuyên viên Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm thống kê kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Chuyên viên Ủy ban nhân dân cấp huyện	Giờ hành chính	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ; Sổ theo dõi hồ sơ
4	BIỂU MẪU			
	1. Đơn đề nghị thỏa thuận thông số kỹ thuật bến thủy nội địa 2. Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả 3. Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (nếu có) 4. Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (nếu có) 5. Mẫu Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả (nếu có). 6. Mẫu Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ 7. Mẫu Sổ theo dõi hồ sơ.			

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../...

..., ngày ... tháng ... năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến thủy nội địa

Kính gửi:(1)

Căn cứ Nghị định số .../2021/NĐ-CP ngày ...tháng...năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa;

Tên tổ chức, cá nhân:

Người đại diện theo pháp luật:

Đăng ký doanh nghiệp (hộ gia đình): số...ngày ... tháng năm ... tại

Địa chỉ: số điện thoại liên hệ:

Đề nghị xây dựng cảng, bến thủy nội địa (tên cảng, bến thủy nội địa)

1. Vị trí dự kiến xây dựng có tọa độ (3).....

Từ km thứ đến km thứ

Trên bờ (phải hay trái) sông, kênh)

Thuộc địa phận: xã (phường, thị trấn) huyện (quận)

Tỉnh (thành phố):

2. Quy mô dự kiến (số cầu cảng, bến; kết cấu, cao trình mặt cầu cảng, bến).

3. Mục đích sử dụng

4. Phạm vi vùng đất sử dụng

5. Dự kiến tiếp nhận phương tiện có mớn nước ...m; có sức chở... hành khách.

6. Phạm vi vùng nước sử dụng: (chiều dài dọc theo bờ sông, kênh ...m, chiều rộng từ mép ngoài cầu cảng, bến...m);

7. Thời gian thực hiện:

8. Hồ sơ gửi kèm:

Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về những nội dung trên đây và cam kết thực hiện nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về giao thông vận tải đường

thủy nội địa, pháp luật khác có liên quan và nội dung trong văn bản thỏa thuận xây dựng, (thiết lập) cảng (bến).

THỦ TRƯỞNG

(Ký tên và đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên;
- ...;
- Lưu: VT,...

Ghi chú:

- (1) Cơ quan có thẩm quyền thỏa thuận.
- (2) Đối với bến thủy nội địa tạm thời không phải ghi nội dung này.
- (3) Hệ tọa độ VN 2000.

3. Công bố hoạt động bến thủy nội địa (QT-10).

1	Mục đích: Quy định trình tự và cách thức công bố hoạt động bến thủy nội địa.		
2	Phạm vi: Áp dụng đối với cá nhân, tổ chức công bố hoạt động bến thủy nội địa. Cán bộ, công chức thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện chịu trách nhiệm thực hiện quy trình này.		
3	Nội dung quy trình		
3.1	Cơ sở pháp lý		
	1. Luật Giao thông đường thủy nội địa số 23/2004/QH11 ngày 15/6/2004; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa số 23/2004/QH11 ngày 17/6/2014 của Quốc hội khóa XII; 2. Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ về quản lý hoạt động đường thủy nội địa; Nghị định số 06/2024/NĐ-CP ngày 25/01/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa; 3. Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 8/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt; 4. Quyết định số 161/QĐ-BGTVT ngày 19/02/2024 của Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung và thay thế trong lĩnh vực đường thủy nội địa thuộc phạm vi chức năng của Bộ Giao thông vận tải; 5. Quyết định số 2065/QĐ-UBND ngày 17/4/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố danh mục thủ tục hành chính, thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực đường thủy nội địa, lĩnh vực đăng kiểm thuộc chức năng quản lý của Sở Giao thông vận tải thành phố Hà Nội.		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
a	Đơn đề công bố hoạt động bến thủy nội địa theo mẫu	x	
b	Bản sao có chứng thực quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng bến thủy nội địa của cơ		x

	quan có thẩm quyền hoặc bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu đối với bến thủy nội địa có dự án đầu tư xây dựng		
	Bản sao có chứng thực giấy tờ về sử dụng đất để xây dựng bến thủy nội địa hoặc bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu, trừ trường hợp là bến phao		x
	Bản sao có chứng thực quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật của chủ đầu tư (đối với bến thủy nội địa có dự án đầu tư xây dựng) hoặc phương án khai thác bến thủy nội địa		x
	Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình, bản vẽ hoàn công mặt bằng, mặt chiếu đứng, mặt cắt ngang công trình đối với bến thủy nội địa có dự án đầu tư xây dựng	x	
	Bản sao giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của kết cấu nổi, phương tiện, công-tông hoặc phao neo thuộc diện phải đăng kiểm (nếu sử dụng kết cấu nổi, phương tiện, công-tông làm cầu bến hoặc bến phao)		x
<i>(Trường hợp gửi hồ sơ trực tuyến, thành phần hồ sơ là bản chính hoặc bản sao điện tử các thành phần hồ sơ tương ứng theo quy định).</i>			
3.3	Số lượng hồ sơ		
	01 bộ		
3.4	Thời gian xử lý		
	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định		
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả		
	Bộ phận một cửa - Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc bằng hình thức trực tuyến.		
3.6	Phí, lệ phí		

	Phí Thẩm tra, thẩm định: 100.000 đồng/lần			
3.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ kết quả
B1	Nộp hồ sơ công bố hoạt động bên thủy nội địa	Tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục 3.2
B2	Tiếp nhận hồ sơ và ghi giấy tiếp nhận, hẹn ngày	Bộ phận một cửa - Ủy ban nhân dân cấp huyện	Giờ hành chính	Mẫu số 05 kèm theo Thông tư 01/2018/ TT-VPCP
B3	Chuyển hồ sơ cho phòng chuyên môn	Bộ phận một cửa - Ủy ban nhân dân cấp huyện	0,5 ngày	Mẫu số 05 kèm theo TT 01/2018/ TT-VPCP
B4	Phân công xử lý	Lãnh đạo Phòng chuyên môn - Ủy ban nhân dân cấp huyện	0,5 ngày	Mẫu số 05 kèm theo Thông tư 01/2018/ TT-VPCP
B5	Thẩm định hồ sơ	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng chuyên môn - Ủy ban nhân dân cấp huyện	2 ngày	Mẫu số 02 (hoặc Mẫu số 03, Mẫu số 04) kèm theo TT 01/2018/ TT-VPCP, Biên bản kiểm tra
B6	Soạn Quyết định; Trình lãnh đạo	Chuyên	1 ngày	Quyết định

	phòng, kiểm tra tổng thể hồ sơ, dự thảo văn bản, ký nháy lên văn bản	viên, Lãnh đạo phòng chuyên môn - Ủy ban nhân dân cấp huyện		
B7	Trình lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện ký Quyết định; hoàn thiện văn bản	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng chuyên môn, Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện	06 giờ	Quyết định
B8	Bàn giao hồ sơ, kết quả ra bộ phận một cửa	Chuyên viên - Ủy ban nhân dân cấp huyện	02 giờ	Mẫu số 05 kèm theo Thông tư 01/2018/ TT-VPCP
B9	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận một cửa - Ủy ban nhân dân cấp huyện	Giờ hành chính	Quyết định, Mẫu số 01 kèm theo Thông tư 01/2018/ TT-VPCP
B10	Thống kê và theo dõi. Chuyên viên Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm thống kê kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Chuyên viên Ủy ban nhân dân cấp huyện	Giờ hành chính	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ; Sổ theo dõi hồ sơ
4	BIỂU MẪU			
	1. Đơn đề nghị công bố hoạt động bến thủy nội địa 2. Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả			

	3. Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (nếu có) 4. Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (nếu có) 5. Mẫu Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả (nếu có). 6. Mẫu Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ 7. Mẫu Sổ theo dõi hồ sơ.
--	---

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../...

..., ngày ... tháng ... năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ**Công bố hoạt động bến thủy nội địa**

Kính gửi:(1)

Căn cứ Nghị định số .../2021/NĐ-CP ngày...tháng...năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa;

Tên tổ chức, cá nhân:

Người đại diện theo pháp luật:

Đăng ký doanh nghiệp (hộ gia đình): số...ngày ... tháng ... năm tại

Địa chỉ: số điện thoại liên hệ:

Đề nghị công bố cảng (bến) thủy nội địa (2)

1. Vị trí cảng (bến) có tọa độ (3)

Từ km thứ đến km thứ

Trên bờ (phải hay trái) sông, kênh

Thuộc địa phận: xã (phường, thị trấn) huyện (quận)

Tỉnh (thành phố)

2. Cảng (bến) thuộc loại

3. Phạm vi vùng đất sử dụng

4. Quy mô về cơ sở hạ tầng (kết cấu công trình cầu cảng (công trình bến), số lượng cầu cảng, bến, kích thước cơ bản, công trình cầu cảng, bến; kho bãi, kết nối các phương thức vận tải khác).

5. Thiết bị xếp dỡ hàng hóa:

6. Phạm vi vùng nước sử dụng

7. Phạm vi vùng nước khu neo đậu.....tại vị trí có tọa độ

8. Phương án khai thác cảng (bến)

9. Dự kiến tiếp nhận phương tiện có mớn nước ... m hoặc trọng tải ...tấn; có sức chở... hành khách.

10. Thời gian hoạt động: từ ngày....tháng....năm... đến ngày ...tháng...năm...

11. Hồ sơ gửi kèm:

Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về những nội dung trên đây và cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về giao thông vận tải đường thủy nội địa, pháp luật khác có liên quan và nội dung quy định trong quyết định công bố hoạt động cảng (bến).

Nơi nhận:

- Như trên;
- ...;
- Lưu: VT,...

TỔ CHỨC (CÁ NHÂN)

(Ký tên và đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Cơ quan có thẩm quyền công bố.

(2) Tên cảng (bến).

(3) Hệ tọa độ VN 2000.

- Trường hợp bến khách ngang trên cùng địa bàn cấp xã, cùng chủ bến thì chỉ ban hành 01 quyết định công bố

4. Công bố hoạt động bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính (QT-11)

1	Mục đích: Quy định trình tự và cách thức công bố hoạt động khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính.		
2	Phạm vi: Áp dụng đối với cá nhân, tổ chức công bố hoạt động khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính. Cán bộ, công chức thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện chịu trách nhiệm thực hiện quy trình này.		
3	Nội dung quy trình		
3.1	Cơ sở pháp lý		
	1. Luật Giao thông đường thủy nội địa số 23/2004/QH11 ngày 15/6/2004; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa số 23/2004/QH11 ngày 17/6/2014 của Quốc hội khóa XII; 2. Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ về quản lý hoạt động đường thủy nội địa; Nghị định số 06/2024/NĐ-CP ngày 25/01/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa; 3. Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 8/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt; 4. Quyết định số 161/QĐ-BGTVT ngày 19/02/2024 của Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung và thay thế trong lĩnh vực đường thủy nội địa thuộc phạm vi chức năng của Bộ Giao thông vận tải; 5. Quyết định số 2065/QĐ-UBND ngày 17/4/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố danh mục thủ tục hành chính, thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực đường thủy nội địa, lĩnh vực đăng kiểm thuộc chức năng quản lý của Sở Giao thông vận tải thành phố Hà Nội.		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
a	Đơn đề công bố hoạt động bến thủy nội địa theo mẫu	x	
b	Hồ sơ thiết kế kỹ thuật, biên bản nghiệm thu hoàn	x	

	thành công trình (nếu có)			
	Bản sao có chứng thực giấy tờ về sử dụng đất để xây dựng bến (đối với bến khách ngang sông);		X	
	Bản sao giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của kết cấu nổi, phương tiện, pông-tông hoặc phao neo thuộc diện phải đăng kiểm (nếu sử dụng kết cấu nổi, phương tiện, pông-tông làm bến)		X	
3.3	Số lượng hồ sơ			
	01 bộ			
3.4	Thời gian xử lý			
	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định			
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả			
	Bộ phận một cửa - Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc bằng hình thức trực tuyến.			
3.6	Phí, lệ phí			
	Phí Thẩm tra, thẩm định: 100.000 đồng/lần			
3.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/kết quả
B1	Nộp hồ sơ công bố hoạt động bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính	Tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục 3.2
B2	Tiếp nhận hồ sơ và ghi giấy tiếp nhận, hẹn ngày	Bộ phận một cửa - Ủy ban nhân dân cấp huyện	Giờ hành chính	Mẫu số 05 kèm theo Thông tư 01/2018/ TT-VPCP
B3	Chuyển hồ sơ cho phòng chuyên môn	Bộ phận một cửa - Ủy ban nhân dân cấp	0,5 ngày	Mẫu số 05 kèm theo TT 01/2018/

		huyện		TT-VPCP
B4	Phân công xử lý	Lãnh đạo Phòng chuyên môn - Ủy ban nhân dân cấp huyện	0,5 ngày	Mẫu số 05 kèm theo Thông tư 01/2018/ TT- VPCP
B5	Thẩm định hồ sơ	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng chuyên môn - Ủy ban nhân dân cấp huyện	2 ngày	Mẫu số 02 (hoặc Mẫu số 03, Mẫu số 04) kèm theo TT 01/2018/ TT- VPCP, Biên bản kiểm tra
B6	Soạn Quyết định; Trình lãnh đạo phòng, kiểm tra tổng thể hồ sơ, dự thảo văn bản, ký nháy lên văn bản	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng chuyên môn - Ủy ban nhân dân cấp huyện	1 ngày	Quyết định
B7	Trình lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện ký Quyết định; hoàn thiện văn bản	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng chuyên môn, Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện	06 giờ	Quyết định
B8	Bàn giao hồ sơ, kết quả ra bộ phận một cửa	Chuyên viên - Ủy ban nhân dân cấp huyện	02 giờ	Mẫu số 05 kèm theo Thông tư 01/2018/ TT- VPCP
B9	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận một cửa - Ủy ban	Giờ hành chính	Quyết định, Mẫu số 01 kèm theo

		nhân dân cấp huyện		Thông tư 01/2018/ TT-VPCP
B10	Thống kê và theo dõi. Chuyên viên Sở Giao thông vật tải có trách nhiệm thống kê kết quả thực hiện TTHC	Chuyên viên Ủy ban nhân dân cấp huyện	Giờ hành chính	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ; Sổ theo dõi hồ sơ
4	BIỂU MẪU			
	1. Đơn đề nghị công bố hoạt động bến thủy nội địa 2. Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả 3. Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (nếu có) 4. Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (nếu có) 5. Mẫu Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả (nếu có). 6. Mẫu Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ 7. Mẫu Sổ theo dõi hồ sơ.			

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../...

..., ngày ... tháng ... năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ**Công bố hoạt động bến thủy nội địa**

Kính gửi:(1)

Căn cứ Nghị định số .../2021/NĐ-CP ngày...tháng...năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa;

Tên tổ chức, cá nhân:

Người đại diện theo pháp luật:

Đăng ký doanh nghiệp (hộ gia đình): số...ngày ... tháng ... năm tại

Địa chỉ: số điện thoại liên hệ:

Đề nghị công bố cảng (bến) thủy nội địa (2)

1. Vị trí cảng (bến) có tọa độ (3)

Từ km thứ đến km thứ

Trên bờ (phải hay trái) sông, kênh

Thuộc địa phận: xã (phường, thị trấn) huyện (quận)

Tỉnh (thành phố)

2. Cảng (bến) thuộc loại

3. Phạm vi vùng đất sử dụng

4. Quy mô về cơ sở hạ tầng (kết cấu công trình cầu cảng (công trình bến), số lượng cầu cảng, bến, kích thước cơ bản, công trình cầu cảng, bến; kho bãi, kết nối các phương thức vận tải khác).

5. Thiết bị xếp dỡ hàng hóa:

6. Phạm vi vùng nước sử dụng

7. Phạm vi vùng nước khu neo đậu.....tại vị trí có tọa độ

8. Phương án khai thác cảng (bến)

9. Dự kiến tiếp nhận phương tiện có mớn nước ... m hoặc trọng tải ...tấn; có sức chở... hành khách.

10. Thời gian hoạt động: từ ngày....tháng....năm... đến ngày ...tháng...năm...

11. Hồ sơ gửi kèm:

Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về những nội dung trên đây và cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về giao thông vận tải đường thủy nội địa, pháp luật khác có liên quan và nội dung quy định trong quyết định công bố hoạt động cảng (bến).

Nơi nhận:

- Như trên;
- ...;
- Lưu: VT,...

TỔ CHỨC (CÁ NHÂN)

(Ký tên và đóng dấu)

Ghi chú:

- (1) Cơ quan có thẩm quyền công bố.
- (2) Tên cảng (bến).
- (3) Hệ tọa độ VN 2000.

- Trường hợp bến khách ngang trên cùng địa bàn cấp xã, cùng chủ bến thì chỉ ban hành 01 quyết định công bố.

5. Công bố lại hoạt động bến thủy nội địa (QT-12)

1	Mục đích: Quy định trình tự và cách thức công bố lại hoạt động bến thủy nội địa trên đường thủy nội địa địa phương, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương		
2	Phạm vi: Áp dụng đối với cá nhân, tổ chức có nhu cầu công bố lại hoạt động bến thủy nội địa. Cán bộ, công chức thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện chịu trách nhiệm thực hiện quy trình này.		
3	Nội dung quy trình		
3.1	Cơ sở pháp lý		
	1. Luật Giao thông đường thủy nội địa số 23/2004/QH11 ngày 15/6/2004; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa số 23/2004/QH11 ngày 17/6/2014 của Quốc hội khóa XII; 2. Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ về quản lý hoạt động đường thủy nội địa; Nghị định số 06/2024/NĐ-CP ngày 25/01/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa; 3. Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt; 4. Quyết định số 161/QĐ-BGTVT ngày 19/02/2024 của Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung và thay thế trong lĩnh vực đường thủy nội địa thuộc phạm vi chức năng của Bộ Giao thông vận tải; 5. Quyết định số 2065/QĐ-UBND ngày 17/4/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố danh mục thủ tục hành chính, thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực đường thủy nội địa, lĩnh vực đăng kiểm thuộc chức năng quản lý của Sở Giao thông vận tải thành phố Hà Nội.		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
a	Đơn đề nghị công bố lại hoạt động bến thủy nội địa theo mẫu	x	

b	Hồ sơ (đối với phần thay đổi kết cấu công trình của bến thủy nội địa)		
-	Bản sao có chứng thực quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật của chủ đầu tư (đối với bến thủy nội địa có dự án đầu tư xây dựng) hoặc phương án khai thác bến thủy nội địa		x
-	Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình, bản vẽ hoàn công mặt bằng, mặt chiếu đứng, mặt cắt ngang công trình đối với bến thủy nội địa có dự án đầu tư xây dựng	x	
-	Bản sao giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của kết cấu nổi, phương tiện, công-tông hoặc phao neo thuộc diện phải đăng kiểm (nếu sử dụng kết cấu nổi, phương tiện, công-tông làm cầu bến hoặc bến phao)		x
c	Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu văn bản của cơ quan có thẩm quyền về việc thay đổi vùng đất, vùng nước (đối với trường hợp thay đổi vùng đất, vùng nước của bến thủy nội địa)		x
d	Bản sao có chứng thực hoặc bản sao xuất trình bản chính để đối chiếu các văn bản chứng minh việc thay đổi chủ bến (đối với trường hợp thay đổi chủ bến thủy nội địa).		x
3.3	Số lượng hồ sơ		
	01 bộ		
3.4	Thời gian xử lý		
	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định		
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả		
	Bộ phận một cửa - Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc bằng hình thức trực tuyến.		
3.6	Phí, lệ phí		
	100.000 VNĐ		

3.7 Quy trình xử lý công việc				
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/kết quả
B1	Nộp hồ sơ công bố lại hoạt động bến thủy nội địa	Tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục 3.2
B2	Tiếp nhận hồ sơ và ghi giấy tiếp nhận, hẹn ngày	Bộ phận một cửa - Ủy ban nhân dân cấp huyện	Giờ hành chính	Mẫu số 01 kèm theo Thông tư 01/2018/ TT-VPCP
B3	Chuyển hồ sơ cho phòng chuyên môn	Bộ phận một cửa - Ủy ban nhân dân cấp huyện	0,5 ngày	Mẫu số 05 kèm theo Thông tư 01/2018/ TT-VPCP
B4	Phân công xử lý	Lãnh đạo Phòng chuyên môn - Ủy ban nhân dân cấp huyện	0,5 ngày	Mẫu số 05 kèm theo Thông tư 01/2018/ TT-VPCP
B5	Thẩm định hồ sơ	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng chuyên môn - Ủy ban nhân dân cấp huyện	2 ngày	Mẫu số 02 (hoặc Mẫu số 03 hoặc mẫu số 04) kèm theo Thông tư 01/2018/ TT-VPCP, Biên bản kiểm tra
B6	Soạn Quyết định công bố;	Chuyên	1 ngày	Giấy phép

	Trình lãnh đạo phòng, kiểm tra tổng thể hồ sơ, Quyết định công bố, ký nháy lên Quyết định	viên, Lãnh đạo phòng chuyên môn - Ủy ban nhân dân cấp huyện		
B7	Trình lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện ký Quyết định; hoàn thiện Quyết định	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng chuyên môn, Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện	06 giờ	Giấy phép
B8	Bàn giao hồ sơ, kết quả ra bộ phận một cửa	Chuyên viên - Ủy ban nhân dân cấp huyện	02 giờ	Mẫu số 05 kèm theo Thông tư 01/2018/ TT-VPCP
B9	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận một cửa - Ủy ban nhân dân cấp huyện	Giờ hành chính	Giấy phép, Mẫu số 01 kèm theo Thông tư 01/2018/ TT-VPCP
B10	Thống kê và theo dõi. Chuyên viên Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm thống kê kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Chuyên viên Ủy ban nhân dân cấp huyện	Giờ hành chính	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ; Sổ theo dõi hồ sơ
4	BIỂU MẪU			
	1. Mẫu Đơn đề nghị công bố lại hoạt động cảng thủy nội địa			

	2. Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả 3. Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (nếu có) 4. Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (nếu có) 5. Mẫu Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả (nếu có). 6. Mẫu Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ 7. Mẫu Sổ theo dõi hồ sơ.
--	--

**TÊN TỔ CHỨC, CÁ
NHÂN**

Số: .../...

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Công bố hoạt động bến thủy nội địa

Kính gửi:(1)

Căn cứ Nghị định số .../2021/NĐ-CP ngày...tháng...năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa;

Tên tổ chức, cá nhân:

Người đại diện theo pháp luật:

Đăng ký doanh nghiệp (hộ gia đình): số...ngày ... tháng ... năm tại

Địa chỉ: số điện thoại liên hệ:

Đề nghị công bố cảng (bến) thủy nội địa (2)

1. Vị trí cảng (bến) có tọa độ (3)

Từ km thứ đến km thứ

Trên bờ (phải hay trái) sông, kênh

Thuộc địa phận: xã (phường, thị trấn) huyện (quận)

Tỉnh (thành phố)

2. Cảng (bến) thuộc loại

3. Phạm vi vùng đất sử dụng

4. Quy mô về cơ sở hạ tầng (kết cấu công trình cầu cảng (công trình bến), số lượng cầu cảng, bến, kích thước cơ bản, công trình cầu cảng, bến; kho bãi, kết nối các phương thức vận tải khác).

5. Thiết bị xếp dỡ hàng hóa:

6. Phạm vi vùng nước sử dụng

7. Phạm vi vùng nước khu neo đậu.....tại vị trí có tọa độ

8. Phương án khai thác cảng (bến)

9. Dự kiến tiếp nhận phương tiện có mớn nước ... m hoặc trọng tải ...tấn; có sức chở... hành khách.

10. Thời gian hoạt động: từ ngày....tháng....năm... đến ngày ...tháng...năm...

11. Hồ sơ gửi kèm:

Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về những nội dung trên đây và cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về giao thông vận tải đường thủy nội địa, pháp luật khác có liên quan và nội dung quy định trong quyết định công bố hoạt động cảng (bến).

Nơi nhận:

- Như trên;

- ...;

- Lưu: VT,...

TỔ CHỨC (CÁ NHÂN)

(Ký tên và đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Cơ quan có thẩm quyền công bố.

(2) Tên cảng (bến).

(3) Hệ tọa độ VN 2000.

- Trường hợp bến khách ngang trên cùng địa bàn cấp xã, cùng chủ bến thì chỉ ban hành 01 quyết định công bố.

6. Công bố mở, cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát (QT-13)

1	Mục đích: Quy định trình tự và cách thức công bố mở, cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát
2	Phạm vi: Áp dụng đối với cá nhân, tổ chức có nhu cầu công bố mở, cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát. Cán bộ, công chức thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện chịu trách nhiệm thực hiện quy trình này.
3	Nội dung quy trình
3.1	Cơ sở pháp lý
	1. Luật Giao thông đường thủy nội địa số 23/2004/QH11 ngày 15/6/2004; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa số 23/2004/QH11 ngày 17/6/2014 của Quốc hội khóa XII; 2. Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2019 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước; 3. Nghị định số 19/2024/NĐ-CP ngày 23/02/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2019 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước; 4. Quyết định số 290/QĐ-BGTVT ngày 22/03/2024 của Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực đường thủy nội địa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải. 5. Quyết định số 2065/QĐ-UBND ngày 17/4/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố danh mục thủ tục hành chính, thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực đường thủy nội địa, lĩnh vực đăng kiểm thuộc chức năng quản lý của Sở Giao thông vận tải thành phố Hà Nội.

3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
1	Hồ sơ công bố vùng hoạt động có dự án đầu tư xây dựng (01 bộ hồ sơ, mỗi loại 01 bản), gồm:		
a	Bản chính hoặc biểu mẫu điện tử Đơn đề nghị theo Mẫu	x	
b	Bản chính hoặc bản điện tử hoặc bản sao điện tử sơ đồ vị trí thiết lập báo hiệu đối với trường hợp vùng hoạt động giáp ranh với vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải hoặc sơ đồ bố trí phao và còi hiệu đối với trường hợp vùng hoạt động không giáp ranh với vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải	x	x
c	Bản sao có chứng thực hoặc bản điện tử hoặc bản sao điện tử quyết định phê duyệt dự án (nếu có)		x
d	Bản chính hoặc bản điện tử hoặc bản sao điện tử Phương án bảo đảm an ninh, an toàn, cứu hộ, cứu nạn và ngăn ngừa ô nhiễm môi trường	x	x
đ	Bản chính hoặc bản điện tử hoặc bản sao điện tử bản vẽ hoàn công công trình, bao gồm cả hải đồ hoặc bản đồ thể hiện vị trí	x	x
2	Hồ sơ công bố vùng hoạt động không có dự án đầu tư xây dựng (01 bộ hồ sơ, mỗi loại 01 bản), gồm:		
a	Bản chính hoặc biểu mẫu điện tử Đơn đề nghị theo Mẫu	x	
b	Bản chính hoặc bản điện tử hoặc bản sao điện tử sơ đồ vị trí thiết lập báo hiệu đối với trường hợp vùng hoạt động giáp ranh với vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải hoặc sơ đồ bố trí phao và	x	x

	cờ hiệu đối với trường hợp vùng hoạt động không giáp ranh với vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải			
c	Bản chính hoặc bản điện tử hoặc bản sao điện tử phương án bảo đảm an ninh, an toàn, cứu hộ, cứu nạn và ngăn ngừa ô nhiễm môi trường	x	x	
3.3	Số lượng hồ sơ			
	01 bộ			
3.4	Thời gian xử lý			
	05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ			
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả			
	Nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc gửi qua cổng dịch vụ công trực tuyến đến Ủy ban nhân dân cấp huyện			
3.6	Phí, lệ phí			
	Không có			
3.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/kết quả
B1	Nộp hồ sơ công bố mở, cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát	Tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục 3.2
B2	Tiếp nhận hồ sơ và ghi giấy tiếp nhận, hẹn ngày	Bộ phận một cửa – Ủy ban nhân dân cấp	Giờ hành chính	Mẫu số 01 kèm theo Thông tư

		huyện		01/2018/ TT-VPCP
B3	Chuyển hồ sơ cho phòng chuyên môn	Bộ phận một cửa - Ủy ban nhân dân cấp huyện	0,5 ngày	Mẫu số 05 kèm theo Thông tư 01/2018/ TT-VPCP
B4	Phân công xử lý	Lãnh đạo Phòng chuyên môn - Ủy ban nhân dân cấp huyện	0,5 ngày	Mẫu số 05 kèm theo Thông tư 01/2018/ TT-VPCP
B5	Thẩm định hồ sơ	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng chuyên môn - Ủy ban nhân dân cấp huyện	2 ngày	Mẫu số 02 (hoặc Mẫu số 03 hoặc mẫu số 04) kèm theo Thông tư 01/2018/ TT-VPCP, Biên bản kiểm tra
B6	Soạn Quyết định công bố; Trình lãnh đạo phòng, kiểm tra tổng thể hồ sơ, Quyết định công bố, ký nháy lên Quyết định	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng chuyên môn - Ủy ban nhân dân cấp huyện	1 ngày	Quyết định
B7	Trình lãnh đạo Sở ký Quyết định; hoàn thiện Quyết định	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng chuyên môn, Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện	06 giờ	Quyết định

B8	Bàn giao hồ sơ, kết quả ra bộ phận một cửa	Chuyên viên - Ủy ban nhân dân cấp huyện	02 giờ	Mẫu số 05 kèm theo Thông tư 01/2018/ TT-VPCP
B9	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận một cửa - Ủy ban nhân dân cấp huyện	Giờ hành chính	Giấy phép, Mẫu số 01 kèm theo Thông tư 01/2018/ TT-VPCP
B10	Thống kê và theo dõi. Chuyên viên Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm thống kê kết quả thực hiện thủ tục hành chính.	Chuyên viên Ủy ban nhân dân cấp huyện	Giờ hành chính	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ; Sổ theo dõi hồ sơ
4	BIỂU MẪU			
	1. Mẫu Đơn đề nghị theo mẫu 2. Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả 3. Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (nếu có) 4. Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (nếu có) 5. Mẫu Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả (nếu có). 6. Mẫu Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ 7. Mẫu Sổ theo dõi hồ sơ.			

TÊN TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /ĐĐN-

.....(1)

.....(địa danh), ngày tháng năm 20.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ**Công bố vùng hoạt động vui chơi giải trí dưới nước(2)**

Kính gửi:(3).....

1. Căn cứ pháp lý

Căn cứ Nghị định số...../2019/NĐ-CP ngày ... thángnăm 2019 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi giải trí dưới nước.

Căn cứ(4)

2. Nội dung đề xuất

a) Chiều dài vùng hoạt động:km (từ.....đến.....);

b) Chiều rộng vùng hoạt động:km (từ.....đến.....);

c) Tọa độ các điểm xác định vùng hoạt động (theo Hệ quy chiếu và Hệ tọa độ quốc gia VN-2000):.....

d) Thời gian bắt đầu thực hiện khai thác

đ) Các nội dung..... (5).....kính đề

nghị(3)xem xét, công bố vùng hoạt động(2).....

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: VT,(7)

THỦ TRƯỞNG (6)

(Ký tên, đóng dấu, họ và tên)

Ghi chú:

- (1) Ký hiệu viết tắt của cơ quan, tổ chức (đơn vị, doanh nghiệp).
- (2) Nêu tên vùng hoạt động (nếu có).
- (3) Nêu tên cơ quan có thẩm quyền công bố theo quy định tại Nghị định này.
- (4) Nêu: Quyết định phê duyệt (nếu có).
- (5) Tên cơ quan, tổ chức, cá nhân.
- (6) Thẩm quyền ký là Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, cá nhân.
- (7) Chữ viết tắt tên cơ quan tham mưu và số lượng bản lưu (nếu cần).

7. Đóng, không cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát (QT-14)

1	Mục đích: Quy định trình tự và cách thức đóng, không cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát		
2	Phạm vi: Áp dụng đối với cá nhân, tổ chức có nhu đóng, không cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát. Cán bộ, công chức thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện chịu trách nhiệm thực hiện quy trình này.		
3	Nội dung quy trình		
3.1	Cơ sở pháp lý		
	1. Luật Giao thông đường thủy nội địa số 23/2004/QH11 ngày 15/6/2004; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa số 23/2004/QH11 ngày 17/6/2014 của Quốc hội khóa XII; 2. Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2019 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước; 3. Nghị định số 19/2024/NĐ-CP ngày 23/02/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2019 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước; 4. Quyết định số 290/QĐ-BGTVT ngày 22/03/2024 của Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực đường thủy nội địa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải; 5. Quyết định số 2065/QĐ-UBND ngày 17/4/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố danh mục thủ tục hành chính, thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực đường thủy nội địa, lĩnh vực đăng kiểm thuộc chức năng quản lý của Sở Giao thông vận tải thành phố Hà Nội.		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao

a	Đơn đề nghị theo mẫu	x		
3.3	Số lượng hồ sơ			
	01 bộ			
3.4	Thời gian xử lý			
	02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ			
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả			
	Bộ phận một cửa - Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc bằng hình thức trực tuyến.			
3.6	Phí, lệ phí			
	Không có			
3.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/kết quả
B1	Nộp hồ sơ đóng, không cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát	Tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục 3.2
B2	Tiếp nhận hồ sơ và ghi giấy tiếp nhận, hẹn ngày	Bộ phận một cửa – Ủy ban nhân dân cấp huyện	Giờ hành chính	Mẫu số 01 kèm theo Thông tư 01/2018/ TT-VPCP
B3	Chuyển hồ sơ cho phòng chuyên môn	Bộ phận một cửa - Ủy ban nhân dân cấp huyện	2 giờ	Mẫu số 05 kèm theo Thông tư 01/2018/ TT-

				VPCP
B4	Phân công xử lý	Lãnh đạo Phòng chuyên môn - Ủy ban nhân dân cấp huyện	2 giờ	Mẫu số 05 kèm theo Thông tư 01/2018/ TT- VPCP
B5	Thẩm định hồ sơ	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng chuyên môn - Ủy ban nhân dân cấp huyện	6 giờ	Mẫu số 02 (hoặc Mẫu số 03 hoặc mẫu số 04) kèm theo Thông tư 01/2018/ TT- VPCP, Biên bản kiểm tra
B6	Soạn Quyết định công bố; Trình lãnh đạo phòng, kiểm tra tổng thể hồ sơ, Quyết định công bố, ký nháy lên Quyết định	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng chuyên môn - Ủy ban nhân dân cấp huyện	2 giờ	Quyết định
B7	Trình lãnh đạo Sở ký Quyết định; hoàn thiện Quyết định	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng chuyên môn, Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện	2 giờ	Quyết định
B8	Bàn giao hồ sơ, kết quả ra bộ phận một cửa	Chuyên viên - Ủy ban nhân dân cấp huyện	2 giờ	Mẫu số 05 kèm theo Thông tư 01/2018/ TT- VPCP

B9	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận một cửa - Ủy ban nhân dân cấp huyện	Giờ hành chính	Giấy phép, Mẫu số 01 kèm theo Thông tư 01/2018/ TT-VPCP
B10	Thống kê và theo dõi. Chuyên viên Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm thống kê kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Chuyên viên Ủy ban nhân dân cấp huyện	Giờ hành chính	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ; Sổ theo dõi hồ sơ
4	BIỂU MẪU			
	1. Mẫu Đơn đề nghị theo mẫu 2. Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả 3. Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (nếu có) 4. Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (nếu có) 5. Mẫu Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả (nếu có). 6. Mẫu Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ 7. Mẫu Sổ theo dõi hồ sơ.			

TÊN TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /ĐĐN-

.....(1)

.....(địa danh), ngày tháng năm 20.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ**Về công bố đóng vùng hoạt động vui chơi giải trí dưới nước(2)**

Kính gửi:(3).....

1. Căn cứ pháp lý

Căn cứ Nghị định số...../2019/NĐ-CP ngày ... thángnăm 2019 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi giải trí dưới nước.

Căn cứ(4)

2. Nội dung đề xuất

a) Lý do của việc đóng vùng hoạt động;

b) Địa danh;

c) Chiều dài vùng hoạt động:.....km (từ..... đến...);

d) Chiều rộng vùng hoạt động:.....km (từ..... đến...);

đ) Thời gian bắt đầu đóng vùng hoạt động:

e) Các nội dung khác.....(5)..... kính đề nghị(3).....xem xét, công bố đóng vùng hoạt động(2)

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: VT,(7)

THỦ TRƯỞNG (6)

(Ký tên, đóng dấu, họ và tên)

Ghi chú:

- (1) Ký hiệu viết tắt của cơ quan, tổ chức (đơn vị, doanh nghiệp).
- (2) Nêu tên vùng hoạt động (nếu có).
- (3) Nêu tên cơ quan có thẩm quyền công bố theo quy định tại Nghị định này.
- (4) Nêu: Quyết định phê duyệt (nếu có), hoặc căn cứ vào nhu cầu....
- (5) Tên cơ quan, tổ chức, cá nhân.
- (6) Thẩm quyền ký là Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, cá nhân.
- (7) Chữ viết tắt tên cơ quan tham mưu và số lượng bản lưu (nếu cần).

8. Đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước lần đầu (QT-15)

1	Mục đích: Quy định trình tự và cách thức thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước lần đầu thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện trên địa bàn thành phố Hà Nội.		
2	Phạm vi: - Áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có nhu cầu thực hiện cấp giấy chứng nhận đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước lần đầu thuộc trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện trên địa bàn thành phố Hà Nội. - Cán bộ, công chức của Ủy ban nhân dân cấp huyện trên địa bàn thành phố Hà Nội chịu trách nhiệm thực hiện quy trình này.		
3	Nội dung quy trình		
3.1	Cơ sở pháp lý		
	- Luật Giao thông đường thủy nội địa số 23/2004/QH11 ngày 15/6/2004; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa số 23/2004/QH11 ngày 17/6/2014 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XII; - Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2019 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước; - Nghị định số 19/2024/NĐ-CP ngày 23/02/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2019 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước; - Quyết định số 290/QĐ-BGTVT ngày 22/3/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực đường thủy nội địa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải.		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản	Bản sao

		chính	
Giấy tờ phải nộp, gồm:			
	1.Đơn đề nghị đăng ký phương tiện thực hiện theo Mẫu số 09 quy định tại Phụ lục Nghị định 48/2019/NĐ-CP;	x	
	2.Biên lai nộp lệ phí trước bạ (bản chính hoặc bản điện tử hoặc bản sao điện tử) đối với phương tiện thuộc diện phải nộp lệ phí trước bạ;	x	
Giấy tờ phải xuất trình khi nộp hồ sơ gồm bản chính các loại sau:			
	1.Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện còn hiệu lực đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm;	x	
	2.Giấy phép hoặc tờ khai phương tiện nhập khẩu theo quy định của pháp luật đối với phương tiện được nhập khẩu;	x	
	3.Giấy tờ chứng minh quyền sở hữu phương tiện: Hợp đồng mua bán hoặc hợp đồng đóng mới phương tiện hoặc các giấy tờ khác có giá trị tương đương;	x	
	4.Giấy tờ chứng minh được phép hoạt động và có trụ sở tại Việt Nam đối với tổ chức nước ngoài hoặc giấy tờ chứng minh được phép cư trú tại Việt Nam đối với cá nhân nước ngoài;	x	
	5.Trường hợp chủ phương tiện đồng thời là chủ cơ sở đóng mới, hoán cải, sửa chữa và phục hồi phương tiện được phép hoạt động theo quy định của pháp luật khi thực hiện đăng ký không phải xuất trình Giấy tờ		

	chứng minh quyền sở hữu phương tiện: Hợp đồng mua bán hoặc hợp đồng đóng mới phương tiện hoặc các giấy tờ khác có giá trị tương đương.			
3.3	Số lượng hồ sơ			
	01 bộ			
3.4	Thời gian xử lý			
	03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.			
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả			
	Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận một cửa của Ủy ban nhân dân cấp huyện trên địa bàn thành phố Hà Nội hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ: http://dichvucong.hanoi.gov.vn			
3.6	Phí, lệ phí			
	Không có			
3.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
B1	- Nộp hồ sơ: + Nộp hồ sơ trực tiếp + Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến qua Cổng dịch vụ công	Cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục 3.2
B2	- Đối với hồ sơ đúng quy định tiếp nhận, kiểm tra	Chuyên viên Bộ phận một	Giờ hành	-Mẫu số 01, 02, 03 Phụ lục kèm

	hồ sơ: + Tiếp nhận trực tiếp: ghi phiếu tiếp nhận giải quyết thủ tục hành chính; + Hoặc qua cổng Dịch vụ công trực tuyến - Với hồ sơ không đúng quy định hướng dẫn Tổ chức/ cá nhân bổ sung, điều chỉnh hồ sơ và ghi phiếu từ chối hồ sơ.	cửa của Ủy ban nhân dân cấp huyện	chính	theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP
B3	Bàn giao hồ sơ: + Hồ sơ bản cứng + Hoặc dữ liệu hồ sơ điện tử	Chuyên viên Bộ phận một cửa của Ủy ban nhân dân cấp huyện	2 giờ	Mẫu số 05 Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP
B4	Phân công xử lý	Lãnh đạo phòng chuyên môn	2 giờ	Mẫu số 05 Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP
B5	Thẩm định hồ sơ	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng chuyên môn	1 ngày	- Mẫu số 02, 03 Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP; - Mẫu số 05 Phụ lục kèm theo Thông tư số

				01/2018/TT-VPCP.
B6	In Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện vui chơi giải trí dưới nước, trình lãnh đạo phòng chuyên môn ký nháy lên Giấy chứng nhận	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng chuyên môn	0,5 ngày	- Giấy chứng nhận hoặc Mẫu số 02, 03 Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP; - Mẫu số 05 Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP
B7	Trình Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện ký Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện vui chơi giải trí dưới nước, hoàn thiện kết quả (đóng dấu vào Giấy chứng nhận)	- Chuyên viên, Lãnh đạo phòng chuyên môn - Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện	06 giờ	- GCN hoặc Mẫu số 02, 03 Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP; - Mẫu số 05 Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP.
B8	Bàn giao hồ sơ, kết quả ra bộ phận một cửa	Chuyên viên phòng chuyên môn	02 giờ	- GCN hoặc Mẫu số 02, 03 Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP -Mẫu số 05 Phụ

				lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT- VPCP
B9	Trả kết quả cho Tổ chức/ cá nhân (Đối với hồ sơ nộp trực tuyến: Chuyên viên Bộ phận một cửa kiểm tra đối chiếu bản giấy hồ sơ trước khi trả kết quả và chuyển bản giấy hồ sơ cho phòng chuyên môn)	Chuyên viên Bộ phận một cửa của Ủy ban nhân dân cấp huyện	Giờ hành chính	- GCN hoặc Mẫu số 02, 03 Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT- VPCP -Mẫu số 05 Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT- VPCP
B10	Thống kê và theo dõi. Chuyên viên Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm thống kê kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Chuyên viên Bộ phận một cửa của Ủy ban nhân dân cấp huyện	Giờ hành chính	Mẫu số 05, 06 Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT- VPCP
4	Biểu mẫu			
	- Đơn đề nghị đăng ký phương tiện vui chơi giải trí dưới nước - Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện vui chơi giải trí dưới nước - Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả - Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ - Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ - Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ - Sổ theo dõi hồ sơ			

Mẫu số 9**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ PHƯƠNG TIỆN VUI CHƠI
GIẢI TRÍ DƯỚI NƯỚC***(Kèm theo Nghị định 48/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2019 của Chính phủ)***CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ
PHƯƠNG TIỆN VUI CHƠI GIẢI TRÍ DƯỚI NƯỚC***(Dùng cho phương tiện đăng ký lần đầu)*

Kính gửi:

- Tổ chức, cá nhân đăng ký:..... đại diện cho các đồng sở hữu

- Trụ sở chính: ⁽¹⁾

- Điện thoại: Email:

Đề nghị cơ quan cấp đăng ký phương tiện với đặc điểm cơ bản như sau:

Tên phương tiện: Ký hiệu thiết kế:

Công dụng:

Năm và nơi đóng:

Cấp tàu: Vật liệu vỏ:

Chiều dài thiết kế: m Chiều dài lớn nhất:m

Chiều rộng thiết kế: m Chiều rộng lớn nhất:m

Chiều cao mạn: m Chiều chìm:m

Mạn khô: m Trọng tải toàn phần:tấn

Số người được phép chở: người Sức kéo, đẩy: tấn

Máy chính (số lượng, kiểu, nước sản xuất, công suất):

.....

Máy phụ (nếu có):

Giấy phép nhập khẩu số (nếu có):ngày tháng năm 20

Do cơ quancấp.

Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường số:

..... do cơ quancấp.

Hóa đơn nộp lệ phí trước bạ số ngày tháng năm 20

Tôi cam đoan chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng phương tiện.

....., ngày tháng năm
20.....

CHỦ PHƯƠNG TIỆN (2)

(1) Địa chỉ chủ phương tiện đặt trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú đối với trường hợp chủ phương tiện là cá nhân chưa có hộ khẩu thường trú nhưng có đăng ký tạm trú tại địa phương.

(2) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện tổ chức ký tên, đóng dấu.

9. Đăng ký lại phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước (QT - 16)

1	Mục đích: Quy định trình tự và cách thức thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký lại phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện trên địa bàn thành phố Hà Nội.
2	Phạm vi: - Áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có nhu cầu thực hiện cấp giấy chứng nhận đăng ký lại phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước thuộc trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện trên địa bàn thành phố Hà Nội. - Cán bộ, công chức thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện trên địa bàn thành phố Hà Nội chịu trách nhiệm thực hiện quy trình này.
3	Nội dung quy trình
3.1	Cơ sở pháp lý
	1. Luật Giao thông đường thủy nội địa số 23/2004/QH11 ngày 15/6/2004; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa số 23/2004/QH11 ngày 17/6/2014 của Quốc hội khóa XII; 2. Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2019 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước; 3. Nghị định số 19/2024/NĐ-CP ngày 23/02/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2019 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước; 4. Quyết định số 290/QĐ-BGTVT ngày 22/3/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực đường thủy nội địa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải; 5. Quyết định số 2065/QĐ-UBND ngày 17/4/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố danh mục thủ tục hành chính, thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực đường thủy nội địa, lĩnh vực đăng kiểm thuộc

	chức năng quản lý của Sở Giao thông vận tải thành phố Hà Nội.		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
- Trường hợp thay đổi tên phương tiện:			
+ Giấy tờ phải nộp:			
	1. Đơn đề nghị đăng ký lại phương tiện thực hiện theo Mẫu số 04 quy định tại Phụ lục Nghị định số 19/2024/NĐ-CP;	x	
	2. Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện đã được cấp trước đó;	x	
+ Xuất trình: Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện được cấp còn hiệu lực đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm;			
- Trường hợp thay đổi thông số kỹ thuật:			
+ Giấy tờ phải nộp:			
	1. Đơn đề nghị đăng ký lại phương tiện thực hiện theo Mẫu số 04 quy định tại Phụ lục Nghị định số 19/2024/NĐ-CP;	x	
	2. Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện đã được cấp trước đó;	x	
	3. Biên lai hoặc giấy chứng nhận đã nộp phí, lệ phí (nếu có);	x	
+ Xuất trình: Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi			

trường của phương tiện được cấp còn hiệu lực đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm;			
- Trường hợp thay đổi chủ sở hữu phương tiện:			
+ Giấy tờ phải nộp:			
	1. Đơn đề nghị đăng ký lại phương tiện thực hiện theo Mẫu số 04 quy định tại Phụ lục Nghị định số 19/2024/NĐ-CP;	x	
	2. Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện đã được cấp trước đó;	x	
	3. Biên lai hoặc giấy chứng nhận đã nộp phí, lệ phí (nếu có);	x	
+ Xuất trình:			
- Giấy tờ chứng minh quyền sở hữu phương tiện theo quy định: Hợp đồng mua bán hoặc hợp đồng đóng mới phương tiện hoặc các giấy tờ khác có giá trị tương đương; - Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện được cấp còn hiệu lực đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm;			
- Trường hợp cần chuyển đăng ký phương tiện sang cơ quan đăng ký phương tiện của địa phương khác, chủ phương tiện nộp đơn đề nghị chuyển nơi đăng ký, nêu rõ nơi đăng ký mới và nộp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện đã được cấp trước đó			
3.3	Số lượng hồ sơ		
	01 bộ		

3.4	Thời gian xử lý			
	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.			
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả			
	Bộ phận một cửa - Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc bằng hình thức trực tuyến.			
3.6	Phí, lệ phí			
	Không có			
3.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
B1	- Nộp hồ sơ: + Nộp hồ sơ trực tiếp + Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến qua Cổng dịch vụ công	Cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục 3.2
B2	- Đối với hồ sơ đúng quy định tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ: + Tiếp nhận trực tiếp: ghi phiếu tiếp nhận giải quyết thủ tục hành chính; + Hoặc qua cổng Dịch vụ công trực tuyến - Với hồ sơ không đúng quy định hướng dẫn Tổ chức/ cá nhân bổ sung, điều chỉnh hồ sơ và ghi phiếu từ chối hồ sơ.	Chuyên viên Bộ phận một cửa của Ủy ban nhân dân cấp huyện	Giờ hành chính	-Mẫu số 01, 02, 03 Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP

B3	Bàn giao hồ sơ: + Hồ sơ bản cứng + Hoặc dữ liệu hồ sơ điện tử	Chuyên viên Bộ phận một cửa của Ủy ban nhân dân cấp huyện	2 giờ	-Mẫu số 05 Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT- VPCP
B4	Phân công xử lý	Lãnh đạo phòng chuyên môn	2 giờ	-Mẫu số 05 Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT- VPCP
B5	Thẩm định hồ sơ	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng chuyên môn	1 ngày	-Mẫu số 02, 03 Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT- VPCP -Mẫu số 05 Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT- VPCP
B6	In Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện vui chơi giải trí dưới nước, trình lãnh đạo phòng chuyên môn ký nháy lên Giấy chứng nhận	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng chuyên môn	0,5 ngày	- Giấy chứng nhận hoặc Mẫu số 02, 03 Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-

				VPCP -Mẫu số 05 Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT- VPCP
B7	Trình Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện ký Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện vui chơi giải trí dưới nước, hoàn thiện kết quả (đóng dấu vào Giấy chứng nhận)	- Chuyên viên, Lãnh đạo phòng chuyên môn - Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện	06 giờ	- Giấy chứng nhận hoặc Mẫu số 02, 03 Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT- VPCP -Mẫu số 05 Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT- VPCP
B8	Bàn giao hồ sơ, kết quả ra bộ phận một cửa	Chuyên viên phòng chuyên môn	02 giờ	- Giấy chứng nhận hoặc Mẫu số 02, 03 Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT- VPCP - Mẫu số 05 Phụ lục kèm theo Thông tư

				số 01/2018/TT- VPCP
B9	Trả kết quả cho Tổ chức/ cá nhân (Đối với hồ sơ nộp trực tuyến: Chuyên viên Bộ phận một cửa kiểm tra đối chiếu bản giấy hồ sơ trước khi trả kết quả và chuyển bản giấy hồ sơ cho phòng chuyên môn)	Chuyên viên Bộ phận một cửa của Ủy ban nhân dân cấp huyện	Giờ hành chính	- Giấy chứng nhận hoặc Mẫu số 02, 03 Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP - Mẫu số 05 Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP
B10	Thống kê và theo dõi. Chuyên viên Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm thống kê kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Chuyên viên Bộ phận một cửa của Ủy ban nhân dân cấp huyện	Giờ hành chính	-Mẫu số 05, 06 Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP
4	Biểu mẫu			
	1. Đơn đề nghị đăng ký lại phương tiện vui chơi giải trí dưới nước 2. Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện vui chơi giải trí dưới nước 3. Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả 4. Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ 5. Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ			

	6. Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả 7. Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ 8. Sổ theo dõi hồ sơ
--	--

Mẫu số 04**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ LẠI PHƯƠNG TIỆN VUI CHƠI
GIẢI TRÍ DƯỚI NƯỚC**

(Kèm theo Nghị định 19/2024/NĐ-CP ngày 23/2/2024 của Chính phủ)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ
PHƯƠNG TIỆN VUI CHƠI GIẢI TRÍ DƯỚI NƯỚC**

(Dùng cho phương tiện đăng ký lại)

Kính gửi:

- Tổ chức, cá nhân đăng ký: đại diện cho các đồng sở hữu
- Trụ sở chính: (1).....
- Điện thoại:.....Email:.....

Đề nghị cơ quan đăng ký lại phương tiện với đặc điểm cơ bản như sau:

Tên phương tiện: Số đăng ký:
do..... cấp ngày tháng năm
Nay đề nghị đăng ký lại phương tiện với lý do:
.....
.....

Tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm và chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng phương tiện./.

....., ngày tháng năm 20.....

CHỦ PHƯƠNG TIỆN (2)

- (1) Địa chỉ chủ phương tiện đặt trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú đối với trường hợp chủ phương tiện là cá nhân chưa có hộ khẩu thường trú nhưng có đăng ký tạm trú tại địa phương.
- (2) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện tổ chức ký tên, đóng dấu.

10. Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước (QT - 17)

1	Mục đích: Quy định trình tự và cách thức thực hiện thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện trên địa bàn thành phố Hà Nội.
2	Phạm vi: - Áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân triển khai thực hiện cấp lại giấy chứng nhận đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước thuộc trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện trên địa bàn thành phố Hà Nội. - Cán bộ, công chức thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện trên địa bàn thành phố Hà Nội chịu trách nhiệm thực hiện quy trình này.
3	Nội dung quy trình
3.1	Cơ sở pháp lý
	1. Luật Giao thông đường thủy nội địa số 23/2004/QH11 ngày 15/6/2004; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa số 23/2004/QH11 ngày 17/6/2014 của Quốc hội khóa XII; 2. Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2019 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước; 3. Nghị định số 19/2024/NĐ-CP ngày 23/02/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2019 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước; 4. Quyết định số 290/QĐ-BGTVT ngày 22/3/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực đường thủy nội địa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải;

	5. Quyết định số 2065/QĐ-UBND ngày 17/4/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố danh mục thủ tục hành chính, thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực đường thủy nội địa, lĩnh vực đăng kiểm thuộc chức năng quản lý của Sở Giao thông vận tải thành phố Hà Nội.		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
- Trường hợp bị mất Giấy chứng nhận đăng ký:			
Giấy tờ phải nộp:			
	Đơn đề nghị cấp lại giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thực hiện theo Mẫu số 05 quy định tại Phụ lục Nghị định số 19/2024/NĐ-CP. Trong đó nêu rõ lý do và chịu trách nhiệm về tính trung thực nội dung khai báo.	x	
- Trường hợp Giấy chứng nhận đăng ký bị hư hỏng			
Giấy tờ phải nộp:			
	1. Đơn đề nghị cấp lại giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thực hiện theo Mẫu số 05 quy định tại Phụ lục Nghị định số 19/2024/NĐ-CP;	x	
	2. Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện đã được cấp trước đó;	x	
3.3	Số lượng hồ sơ		
	01 bộ		
3.4	Thời gian xử lý		

	03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.			
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả			
	Bộ phận một cửa - Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc bằng hình thức trực tuyến.			
3.6	Phí, lệ phí			
	Không có			
3.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
B1	- Nộp hồ sơ: + Nộp hồ sơ trực tiếp + Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến qua Cổng dịch vụ công	Cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục 3.2
B2	- Đối với hồ sơ đúng quy định tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ: + Tiếp nhận trực tiếp: ghi phiếu tiếp nhận giải quyết thủ tục hành chính; + Hoặc qua cổng Dịch vụ công trực tuyến - Với hồ sơ không đúng quy định hướng dẫn Tổ chức/ cá nhân bổ sung, điều chỉnh hồ sơ và ghi phiếu từ chối hồ sơ.	Chuyên viên Bộ phận một cửa Ủy ban nhân dân cấp huyện	Giờ hành chính	-Mẫu số 01, 02, 03 Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP
B3	Bàn giao hồ sơ:	Chuyên viên	2 giờ	-Mẫu số 05

	+ Hồ sơ bản cứng + Hoặc dữ liệu hồ sơ điện tử	Bộ phận một cửa của Ủy ban nhân dân cấp huyện		Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT- VPCP
B4	Phân công xử lý	Lãnh đạo phòng chuyên môn	2 giờ	-Mẫu số 05 Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT- VPCP
B5	Thẩm định hồ sơ	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng chuyên môn	1 ngày	-Mẫu số 02, 03 Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT- VPCP -Mẫu số 05 Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT- VPCP
B6	In Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện vui chơi giải trí dưới nước, trình lãnh đạo phòng chuyên môn ký nháy lên Giấy chứng nhận	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng chuyên môn	0,5 ngày	- GCN hoặc Mẫu số 02, 03 Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT- VPCP -Mẫu số 05

				Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP
B7	Trình Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện ký Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện vui chơi giải trí dưới nước, hoàn thiện kết quả (đóng dấu vào Giấy chứng nhận)	- Chuyên viên, Lãnh đạo phòng chuyên môn - Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện	06 giờ	- GCN hoặc Mẫu số 02, 03 Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP -Mẫu số 05 Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP
B8	Bàn giao hồ sơ, kết quả ra bộ phận một cửa	Chuyên viên phòng chuyên môn	02 giờ	- GCN hoặc Mẫu số 02, 03 Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP -Mẫu số 05 Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP

B9	Trả kết quả cho Tổ chức/ cá nhân (Đối với hồ sơ nộp trực tuyến: Chuyên viên Bộ phận một cửa kiểm tra đối chiếu bản giấy hồ sơ trước khi trả kết quả và chuyển bản giấy hồ sơ cho phòng chuyên môn)	Chuyên viên Bộ phận một cửa của Ủy ban nhân dân cấp huyện	Giờ hành chính	- Giấy chứng nhận hoặc Mẫu số 02, 03 Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP -Mẫu số 05 Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP
B10	Thống kê và theo dõi. Chuyên viên Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm thống kê kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Chuyên viên Bộ phận một cửa của Ủy ban nhân dân cấp huyện	Giờ hành chính	-Mẫu số 05, 06 Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP
4	Biểu mẫu			
	- Đơn đề nghị cấp lại giấy chứng nhận đăng ký phương tiện vui chơi, giải trí dưới nước - Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện vui chơi giải trí dưới nước - Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả - Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ - Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ - Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ - Sổ theo dõi hồ sơ			

Mẫu số 05

**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ
PHƯƠNG TIỆN VUI CHƠI GIẢI TRÍ DƯỚI NƯỚC**
(Kèm theo Nghị định 19/2024/NĐ-CP ngày 23/02/2024 của Chính phủ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ
PHƯƠNG TIỆN VUI CHƠI GIẢI TRÍ DƯỚI NƯỚC**

Kính gửi:

- Tổ chức, cá nhân đăng ký: đại diện cho các đồng sở hữu

- Trụ sở chính: (1)

- Điện thoại: Email:

Đề nghị cơ quan đăng ký cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện với đặc điểm cơ bản như sau:

Tên phương tiện:Số đăng ký:

do cấp ngày tháng
năm ...

Lý do xin cấp lại:

.....
.....

Tôi cam đoan lời khai trên là đúng sự thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về lời khai của mình.

....., ngày ... tháng ... năm 20.....

CHỦ PHƯƠNG TIỆN ⁽²⁾

- (1) Địa chỉ chủ phương tiện đặt trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú đối với trường hợp chủ phương tiện là cá nhân chưa có hộ khẩu thường trú nhưng có đăng ký tạm trú tại địa phương.
- (2) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện tổ chức ký tên, đóng dấu.

11. Xóa đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước (QT-18)

1	Mục đích: Quy định trình tự và cách thức thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận xóa đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện trên địa bàn thành phố Hà Nội.
2	Phạm vi: - Áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có nhu cầu thực hiện cấp giấy chứng nhận xóa đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước thuộc trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện trên địa bàn thành phố Hà Nội. - Cán bộ, công chức thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện trên địa bàn thành phố Hà Nội chịu trách nhiệm thực hiện quy trình này.
3	Nội dung quy trình
3.1	Cơ sở pháp lý
	1. Luật Giao thông đường thủy nội địa số 23/2004/QH11 ngày 15/6/2004; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa số 23/2004/QH11 ngày 17/6/2014 của Quốc hội khóa XII; 2. Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2019 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước; 3. Nghị định số 19/2024/NĐ-CP ngày 23/02/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2019 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước; 4. Quyết định số 290/QĐ-BGTVT ngày 22/3/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực đường thủy nội địa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải; 5. Quyết định số 2065/QĐ-UBND ngày 17/4/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố danh mục thủ tục hành chính, thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực đường thủy nội địa, lĩnh vực đăng kiểm thuộc

	chức năng quản lý của Sở Giao thông vận tải thành phố Hà Nội.			
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao	
	1. Đơn đề nghị xóa đăng ký phương tiện theo Mẫu số 06 quy định tại Phụ lục Nghị định số 19/2024/NĐ-CP;	x		
	2. Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện đã được cấp.	x		
3.3	Số lượng hồ sơ			
	01 bộ			
3.4	Thời gian xử lý			
	02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.			
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả			
	Bộ phận một cửa - Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc bằng hình thức trực tuyến.			
3.6	Phí, lệ phí			
	Không có			
3.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
B1	- Nộp hồ sơ:	Cá nhân	Giờ hành	Theo mục 3.2

	+ Nộp hồ sơ trực tiếp + Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến qua Cổng dịch vụ công		chính	
B2	- Đối với hồ sơ đúng quy định tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ: + Tiếp nhận trực tiếp: ghi phiếu tiếp nhận giải quyết thủ tục hành chính; + Hoặc qua cổng Dịch vụ công trực tuyến - Với hồ sơ không đúng quy định hướng dẫn Tổ chức/ cá nhân bổ sung, điều chỉnh hồ sơ và ghi phiếu từ chối hồ sơ.	Chuyên viên Bộ phận một cửa của Ủy ban nhân dân cấp huyện	Giờ hành chính	-Mẫu số 01, 02, 03 Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP
B3	Bàn giao hồ sơ: + Hồ sơ bản cứng + Hoặc dữ liệu hồ sơ điện tử	Chuyên viên Bộ phận một cửa của Ủy ban nhân dân cấp huyện	2 giờ	-Mẫu số 05 Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP
B4	Phân công xử lý	Lãnh đạo phòng chuyên môn	2 giờ	-Mẫu số 05 Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP
B5	Thẩm định hồ sơ	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng chuyên	0,5 ngày	-Mẫu số 02, 03 Phụ lục kèm theo Thông tư số

		môn		01/2018/TT-VPCP -Mẫu số 05 Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP
B6	In Giấy chứng nhận xóa đăng ký phương tiện vui chơi, giải trí dưới nước, trình lãnh đạo phòng chuyên môn ký nháy lên Giấy chứng nhận	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng chuyên môn	1/4 ngày	- Giấy chứng nhận hoặc Mẫu số 02, 03 Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP -Mẫu số 05 Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP
B7	Trình Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện ký Giấy chứng nhận xóa đăng ký phương tiện vui chơi, giải trí dưới nước, hoàn thiện kết quả (đóng dấu vào Giấy chứng nhận)	- Chuyên viên, Lãnh đạo phòng chuyên môn - Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện	0,5 ngày	- Giấy chứng nhận hoặc Mẫu số 02, 03 Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP -Mẫu số 05 Phụ lục kèm

				theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP
B8	Bàn giao hồ sơ, kết quả ra bộ phận một cửa	Chuyên viên phòng chuyên môn	1/4 ngày	- Giấy chứng nhận hoặc Mẫu số 02, 03 Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP -Mẫu số 05 Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP
B9	Trả kết quả cho Tổ chức/ cá nhân (Đối với hồ sơ nộp trực tuyến: Chuyên viên Bộ phận một cửa kiểm tra đối chiếu bản giấy hồ sơ trước khi trả kết quả và chuyển bản giấy hồ sơ cho phòng chuyên môn)	Chuyên viên Bộ phận một cửa của Ủy ban nhân dân cấp huyện	Giờ hành chính	- Giấy chứng nhận hoặc Mẫu số 02, 03 Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP -Mẫu số 05 Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP

B10	Thống kê và theo dõi. Chuyên viên Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm thống kê kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Chuyên viên Bộ phận một cửa của Ủy ban nhân dân cấp huyện	Giờ hành chính	-Mẫu số 05, 06 Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP
4	Biểu mẫu			
	1. Đơn đề nghị xóa đăng ký phương tiện vui chơi giải trí dưới nước 2. Giấy chứng nhận xóa đăng ký phương tiện vui chơi giải trí dưới nước 3. Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả 4. Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ 5. Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ 6. Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả 7. Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ 8. Sổ theo dõi hồ sơ			

Mẫu số 06**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ XÓA ĐĂNG KÝ PHƯƠNG TIỆN VUI CHƠI
GIẢI TRÍ DƯỚI NƯỚC***(Kèm theo Nghị định 19/2024/NĐ-CP ngày 23/02/2024 của Chính phủ)***CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****ĐƠN ĐỀ NGHỊ XÓA ĐĂNG KÝ
PHƯƠNG TIỆN VUI CHƠI GIẢI TRÍ DƯỚI NƯỚC**

Kính gửi:

- Tổ chức, cá nhân đăng ký: đại diện cho các đồng sở hữu

- Trụ sở chính: (1)

- Điện thoại: Email:

Đề nghị cơ quan xóa đăng ký phương tiện với đặc điểm cơ bản như sau:

Tên phương tiện: Số đăng ký:

Lý do xóa đăng ký

.....
.....

Tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về việc sở hữu phương tiện trên và chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng phương tiện.

....., ngày tháng năm 20.....

CHỦ PHƯƠNG TIỆN ⁽²⁾

- (1) Địa chỉ chủ phương tiện đặt trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú đối với trường hợp chủ phương tiện là cá nhân chưa có hộ khẩu thường trú nhưng có đăng ký tạm trú tại địa phương.
- (2) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện tổ chức ký tên, đóng dấu.

Phụ lục 3**DANH MỤC CÁC QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ THUỘC CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA****SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

*(Kèm theo Quyết định số 2511/QĐ-UBND ngày 11/5/2024
của Chủ tịch UBND Thành phố)*

STT	Thứ tự Quy trình nội bộ bị bãi bỏ tại Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố	Tên quy trình nội bộ
1	Số 17, quy trình QT.17-06.2021 tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 3158/QĐ-UBND ngày 07/7/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố	Công bố hoạt động cảng thủy nội địa
2	Số 12, quy trình QT.12-06.2021 tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 3158/QĐ-UBND ngày 07/7/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố	Công bố lại hoạt động cảng thủy nội địa
3	Số 15, quy trình QT15-02.2023 tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 859/QĐ-UBND 10/02/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố	Cấp, cấp lại, chuyển đổi Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, Chứng chỉ chuyên môn
4	Số 16, quy trình QT16-02.2023 tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 859/QĐ-UBND 10/02/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố	Chấp thuận hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước tại vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải
5	Số 07, quy trình QT.07-02.2023 tại Phụ lục kèm theo Quyết định	Gia hạn hoạt động cảng, bến thủy nội địa

	số 859/QĐ-UBND ngày 10/2/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố	
6	Số 13, quy trình QT.13-06.2021 tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 3158/QĐ-UBND ngày 07/7/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến thủy nội địa
7	Số 14, quy trình QT.14-06.2021 tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 3158/QĐ-UBND ngày 07/7/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính
8	Số 15, quy trình QT.15-06.2021 tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 3158/QĐ-UBND ngày 07/7/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố	Công bố hoạt động bến thủy nội địa
9	Số 16, quy trình QT.16-06.2021 tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 3158/QĐ-UBND ngày 07/7/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố	Công bố hoạt động bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính
10	Số 11, quy trình QT.11-06.2021 tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 3158/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Công bố lại hoạt động bến thủy nội địa
11	Số 05, quy trình QT24-02.2023 tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 1379/QĐ-UBND ngày 07/3/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố	Công bố mở, cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu

		sắc dễ quan sát
12	Số 06, quy trình QT25-02.2023 tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 1379/QĐ-UBND ngày 07/3/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố	Đóng, không cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát
13	Số 01, quy trình QT20-02.2023 tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 1379/QĐ-UBND ngày 07/3/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố	Đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước lần đầu
14	Số 03, quy trình QT22-02.2023 tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 1379/QĐ-UBND ngày 07/3/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố	Đăng ký lại phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước
15	Số 02, quy trình QT21-02.2023 tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 1379/QĐ-UBND ngày 07/3/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước
16	Số 04, quy trình QT23-02.2023 tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 1379/QĐ-UBND ngày 07/3/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố	Xóa đăng ký hương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước

VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI XUẤT BẢN

Địa chỉ: 12 Lê Lai - Hoàn Kiếm - Hà Nội

Điện thoại: 024.38253536 - 024.37739442

Fax: 024.37739443

Email: congbao@hanoi.gov.vn

Website: www.hanoi.gov.vn